

TỜ TRÌNH

Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công; Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh về Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh về việc phương án phân bổ nguồn tăng thu và dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 còn lại đã chuyển sang năm 2026.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 525/TTr-STC ngày 14 tháng 7 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp lý:

a) Đối với vốn đầu tư

Căn cứ điểm b và c, khoản 1 Điều 56 Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

“Điều 56. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

b) Phân bổ dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

c) Bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ

vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.”

Căn cứ khoản 3 Điều 88 Luật Đầu tư công năm 2024, quy định:

“Điều 88. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

3. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.”

Căn cứ các nội dung trên, thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối với kinh phí sự nghiệp

- Căn cứ khoản 1, Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 có quy định:

“Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong các trường hợp quy định tại Điều 54 của Luật này, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

- Đồng thời, tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ có quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

“2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Trước ngày 25 tháng 7 năm 2026, hoàn thiện dự kiến bố trí 2.156 tỷ đồng kinh phí thường xuyên của Chương trình cho các địa phương chi tiết đến từng lĩnh vực chi; đôn đốc, hoàn thiện phương án phân bổ 644 tỷ đồng kinh phí thường xuyên cho từng bộ, cơ quan trung ương, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.”

Từ những căn cứ nêu trên, nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt trong phân bổ chi tiết sau khi Trung ương hoàn thành phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình, hạn chế tối đa việc điều chỉnh chi tiết nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, qua đó đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất giao tổng kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình, đồng thời giao cho UBND tỉnh phân bổ chi tiết nguồn kinh phí nêu trên theo đúng hướng dẫn Trung ương để triển khai thực hiện Chương trình.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn:

- Bảo đảm việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, phạm vi và cơ cấu nguồn vốn của chương trình mục tiêu quốc gia; phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

- Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc bố trí vốn phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn của Chương trình; ưu tiên phân bổ ngân sách cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

- Ưu tiên tập trung nguồn lực thực hiện các nội dung trọng tâm theo định hướng của Chủ tịch UBND tỉnh tại Thông báo số 116/TB-UBND ngày 25/02/2026.

- Việc phân bổ vốn bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác.

3. Phương án phân bổ

a) Đối với vốn đầu tư: Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh là **630.187 triệu đồng**, trong đó: vốn ngân sách Trung ương: 325.280 triệu đồng đã giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ và vốn ngân sách tỉnh theo quy định là **304.907 triệu đồng**, đề xuất phân bổ đối ứng cho các xã (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

b) Đối với vốn sự nghiệp: Kinh phí sự nghiệp nguồn năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh là **254.497,5 triệu đồng**, trong đó, vốn ngân sách Trung ương: 113.110 triệu đồng đã giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ và vốn đối ứng ngân sách tỉnh theo quy định 125% so với ngân sách Trung ương là 141.387,5 triệu đồng.

(Gửi kèm theo thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
và các Văn bản liên quan)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. 

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KT&NS - HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4, N2. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp

Phụ lục:
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI,
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN F

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /7/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	TỔNG CỘNG				1.025.964	882.597	174.752
I	PHÂN BỐ CHO CÁC SỞ, NGÀNH						
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			2.900	2.900	
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 06						
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu		Thôn 1, xã An Toàn		2.900	2.900	
2	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ			5.000	5.000	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 04						
	Nội dung 04						
	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh				5.000	5.000	
3	Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai	Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai			32.100	32.100	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 04						
	Nội dung 03						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đầu tư cải tạo, sửa chữa, trang bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trang thiết bị đào tạo, mô hình, các phần mềm: quản trị, quản lý, đào tạo, mô phỏng, giải phẫu sinh lý; phần cứng (thiết bị tin học)				32.100	32.100	
II	PHÂN BỐ CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG						
II.1	Các phường						
1	Phường An Bình	UBND phường An Bình			4.000	2.000	2.000
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường xã 467 (Đường liên thôn Tân Hiệp đi Tư Lương (trước đây)		TDP Tân Hiệp, TDP Tân Phong, TDP Tân Hội, TDP	L=2,015k m	4.000	2.000	2.000
2	Phường An Khê	UBND phường An Khê			2.002	598	1.404
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường hẻm 33 Nguyễn Lữ và Hẻm 65/7/6 Lý Thái Tổ, TDP 7 Tây Sơn		TDP 7 Tây Sơn		142	42	100
	Đường hẻm Nguyễn Trung Trực và Đường hẻm 855 Quang Trung (hẻm phụ 855/1 bên phải nối dài), TDP 2 An Phú		TDP 2 An Phú		300	90	210
	Đường hẻm 401 Hoàng Hoa Thám (TDP 1 An Tân)		TDP 1 An Tân		255	77	178
	Đường hẻm 221 Ya Đố (hẻm phụ 1, 2), TDP 1 Ngô Mỹ		TDP 1 Ngô Mỹ		529	156	373
	Đường hẻm từ nhà ông Sang đến nhà ông Dương (TDP 5 Thành An)		TDP 5 Thành An		220	66	154

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường hẻm từ nhà ông Dũng đến nhà ông Ngọc (nối dài), TDP 3 Thành An		TDP 3 Thành An		80	24	56
	Đường hẻm 09 Ngõ Văn Sở (Tổ 15 An Phú)		TDP 15 An Phú		50	15	35
	Đường hẻm từ nhà ông Lương đến cầu liên tổ 2-6 (TDP 6 Thành An)		TDP 6 Thành An		165	50	115
	Đường từ UBND xã Thành An cũ đi nhà máy đường (TDP 1, 2 Thành An)		TDP 1, 2 Thành An	Đo mặt đường ĐTSM	261	78	183
3	Phường An Phú	UBND phường An Phú			2.192	880	1.312
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 1						
	Công trình: Đường từ nhà ông MLut đến ông Y Khit		Làng Mơ Nú	Chiều dài thôn	900	360	540
	Công trình: Đường từ ngã 3 nhà yến đến cuối làng		Làng Chuet Ngol	Chiều dài 275m Đường	500	200	300
	Từ đường bê tông Ia nekh đến đường nhựa Lý Chính Thắng		Làng Do Quăh	Bê tông xi măng mặt 2,5m	792	320	472
4	Phường Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa			2.726	1.350	1.376
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Đường hẻm 253 đường Trần Hưng Đạo		TDP 16, phường Ayun Pa	L=133,5 m; Loại đường B	485	250	235
	Đường hẻm Trần Hưng Đạo (Từ Gas Ngọc Châu đến đường Võ Thị Sáu)		TDP 16, 17,phường Ayun Pa	L=56m; Loại đường C	151	90	61

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường hẻm số 1 đường Bà Triệu		TDP 9, phường Ayun Pa	L=175,5 m; Loại đường B	700	335	365
	Đường hẻm số 2 đường Bà Triệu		TDP 9, 10, phường Ayun Pa	L=250m; Loại đường B	940	450	490
	<i>Nội dung 02</i>						
	Kiên cố hóa Kênh mương 25C		TDP 1, phường Ayun Pa	L=300m; Kênh BTCT đá 1x2 M300	450	225	225
5	Phường Diên Hồng	UBND phường Diên Hồng			12.000	3.600	8.400
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						
	Xây dựng nhà Rộng Thôn PleikuRoh		Thôn PleikuRoh	diện tích 82m2	12.000	3.600	8.400
6	Phường Hội Phú	UBND phường Hội Phú			5.700	1.710	3.990
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 02						
	Cấp nước cho các làng đồng bào				5.700	1.710	3.990
7	Phường Pleiku	UBND phường Pleiku			2.686	780	1.906
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tên tuyến: Từ nhà Ông Mlik đến Ông Milch		Làng Ông- Phường	Cmieu dài tuyến	350	100	250
	Tên tuyến: Từ nhà Bà H'thă đến ông Phel		Làng Ông- Phường	Cmieu dài tuyến	1.336	380	956

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						
	Quy hoạch, bố trí cảnh quang khu vực nhà mồ tạo điểm tham quan, giới thiệu văn hóa tâm linh của người Jrai tại làng Ôp		Làng Ôp- Phường Pleiku	Đề án “Xây dựng làng văn hóa”	1.000	300	700
8	Phường Thống Nhất	UBND phường Thống Nhất			2.737	822	1.915
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường hẻm 51C Trần Nguyên Hân		Làng Kép	L= 327m	600	180	420
	Tuyến đường hẻm 49/2 Trần Nguyên Hân và Hẻm 591 Phạm Văn Đồng		Làng Kép	L = 288 m	500	150	350
	Đường hẻm 19 Trần Nguyên Hân		Làng Kép	L= 101m	150	45	105
	Đường hẻm 19 Nguyễn Thị Định		Làng Kép	L= 195m	250	75	175
	Hẻm 215 Võ Văn Kiệt		Làng Bruk Ngol	L= 389m	592	178	414
	Hẻm 522 Võ Văn Kiệt		Làng Bruk Ngol	L= 373m	645	194	451
II.2	Các xã						
1	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá			7.900	7.652	248
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Làm mới đường liên thôn Tứ Kỳ Nam đi Tứ Kỳ Bắc (Ông Huỳnh Công Phụng đến Ông Nguyễn Thái Cường		Thôn Tứ Kỳ Nam đi Tứ Kỳ Bắc		1.760	1.710	50
	Làm mới đường ngõ xóm Thôn Tứ Kỳ Bắc: đoạn từ nhà Ông Huỳnh Quốc Thảo - Nguyễn Thành Phong; Ông Nguyễn Văn Việt - Huỳnh Văn Bình; Ông Nguyễn Văn Chiến - Nguyễn Thành Viên		Thôn Tứ Kỳ Bắc		1.450	1.408	42

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Làm mới đường ngõ xóm Bắc làng Chư Ruồi Sul		Làng Chư Ruồi Sul		4.000	3.882	118
	Làm mới đường ngõ xóm làng Ia Hbông (nhà Kpuih Xoa - Kpuih Hyep)		Làng Ia Hbông		690	652	38
2	Xã Ân Hào	UBND Xã Ân Hào			9.500	8.200	1.300
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường Cụm công nghiệp Gò Bằng		Xã Ân Hào	466,92 m	3.500	3.200	300
	Nội dung 02						
	Kênh tiêu thoát lũ Vạn Hoà		Xã Ân Hào	670 m	6.000	5.000	1.000
3	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa			5.500	4.587	913
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 2						
	Nội dung 1						
	Xây dựng các tuyến đường Thôn Trà cong		Trà Cong	Dương	3.000	2.504	496
	Xây dựng các tuyến đường Thôn Vạn Xuân		Vạn Xuân	Dương	2.500	2.083	417
4	Xã An Lão	UBND Xã An Lão			6.644	5.749	895
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ ruộng đồng vỏ Mới đến giáp đường mòn Hóc Miên		Thôn 6	NT loại	550	458	92
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Gò Búi		Thôn Gò Búi	NT loại	944	834	110
	Đường kết nối thôn Gò Búi đến thôn Hưng Nhon		Thôn Gò Búi- Thôn Hưng Nhon	NT loại A;	600	500	100
	Xây dựng mới cầu Bờ Tràm		Thôn An Binh	6 m	1.650	1.457	193
	Tuyến đường nội đồng thôn Hòa Bình		Thôn Hòa Bình	NT loại	300	250	50

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tuyến đường nội bộ khu giãn dân thôn Hòa Bình		Thôn Hòa Bình	Đường NT loại A	600	500	100
	Nội dung 02						
	Nâng cấp kênh mương nội đồng Thuận An - Thuận Hòa		Thôn Thuận An - Thôn Hòa Bình	2 km	1.200	1.083	117
	Sửa chữa nâng cấp tuyến kênh mương Suối Le		Thôn Hòa Bình	1 km	300	250	50
	Nâng cấp đập Thuận Hòa		Thôn Thuận Hòa	Đập dâng trọng lực bê tông	500	417	83
5	Xã An Lương	UBND Xã An Lương			4.800	3.872	928
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	BTXM đoạn đường từ ĐT.639 đến nhà ông Sơn; kết hợp sửa chữa, mở rộng cầu đội 5 qua sông Lạch Mới		Xuân Bình Bắc	Bê tông hóa mặt đường, kết hợp	1.650	1.292	358
	Sửa chữa, mở rộng đoạn đường từ ĐT.639 đến bảng thông tin tuyên truyền		An Xuyên 3	Trang cấp, mở giao thông	3.150	2.580	570
6	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây			5.475	4.000	1.475
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Tuyến đường xóm Phúc Hậu từ nhà ông Hà Vĩnh Thạch đến đồng Phúc Hậu (ĐĐ: nhà ông Hà Vĩnh Thạnh - ĐC: cánh đồng Phúc Hậu)		Thôn Nam Tượng 3		450	308	142
	Tuyến đường từ kênh N2 đến nhà ông Bùi Ngọc Bích Phương (ĐĐ: đường bê tông xóm Hòn Tượng A - ĐC: nhà ông Bùi Ngọc Bích Phương)		Thôn Thọ Tân Bắc		400	205	195
	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến đường rẽ nhà ông Phạm Văn Trị (ĐĐ: đường bê tông- ĐC: nhà ông Phạm Văn Trị)		Thôn Thọ Tân Nam		1.200	923	277

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tuyến từ bê tông Hóc Cùg đến nhà ông Huỳnh Kim Nhân (ĐĐ: đường bê tông- ĐC: nhà ông Huỳnh Kim Nhân)		Thôn Thọ Tân Nam		200	123	77
	Bê tông xi măng từ Bờ Đập Thò Đo đến Gò Cồn (ĐĐ: Đập Thò Đo - ĐC: Gò Cồn)		Thôn Đông Lâm	581 m	800	596	204
	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ ngã 3 Hóc Cùg đến nhà ông Nguyễn Văn Phỏ (ĐĐ: ngã 3 Hóc Cùg - ĐC: nhà ông Nguyễn Văn Phỏ)		Thọ Tân Nam	1000m, kết cấu bê tông	1.425	1.084	341
	Nội dung 2						
	Tuyến kênh mương Gò xương, bờ hàng, đầu hải đến kho 4 (ĐĐ: Mương Gò xương, bờ hàng, ĐC: mương đầu hải đến kho 4)		Hương Cừu - An Thạnh	369 m	500	378	122
	Tuyến kênh mương Miếu tổ 7 (ĐĐ: Giáp đường Bê tông, ĐC: Ngõ nhà Bùi Thị Bạ)		An Thành	373 m	500	383	117
7	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn			11.133	11.133	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 1						
	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ dốc ông Lắm đến thôn Nước Ron			Nâng cấp, mở rộng nền mặt đường	4.133	4.133	
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần số 1						
	Nội dung 6						
	Hạ tầng kỹ thuật khu giãn dân Thôn Nước Ron, thôn Nước Lương			Xây dựng cơ sở hạ tầng: San nền	7.000	7.000	
8	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân Tường			10.100	8.584	1.516
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tên tuyến: Nâng cấp, mở rộng đường BTXM ĐT 630 - Hương Quang Ân Nghĩa (Phú Hữu 1)		Thôn Phú Hữu 1	Đề tòng nền mặt	6.600	5.667	933
	Tên tuyến: Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Tuyến từ trạm bơm Xuân Sơn đi khu tường niệm chiến thắng đôi Xuân Sơn		Thôn Xuân Sơn	Đề tòng nền mặt	3.500	2.917	583
9	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh			13.067	13.067	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 2						
	Nội dung 1						
	Đường giao thông từ chân đập Hồ Đồng Mít đến Thôn 1; Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước		Thôn 1		6.867	6.867	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên thôn từ Thôn 5 đi Thôn 6		Thôn 5, Thôn 6		6.200	6.200	
10	Xã Ayun	UBND Xã Ayun			15.030	14.252	778
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 1						
	Cải tạo, Nâng cấp công trình Đường nội làng Plei Atur: Đoạn từ nhà ông Luk đến nhà ông Kok. Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.		Làng Plei Atur	1200 m	1.750	1.700	50
	Nâng cấp cải tạo nâng cấp công trình đường nội làng Plei Atur từ trường tiểu học Ayun số 2 tới cầu Bngoh		Làng Plei Atur	1000 m	1.600	1.521	79
	Đường BTXM trục đường trục thôn nội làng Kon Brung hạng mục nền, mặt đường và công trình thoát nước, đoạn đường từ nhà ông Đôh đến nhà ông Hê, tổng chiều dài L=200 m; Từ nhà ông Proh đến nhà ông Mri tổng chiều dài 140m, từ nhà ông Đim đến nhà ông Phytê dài 150m, từ nhà ông Alep đến nhà ông Gar dài 210m		Làng Kon Brung	250 m	900	850	50
	Nội dung 10						
	Sửa chữa, nâng cấp 4 công trình cấp nước tập trung tự chảy ở làng Hiêr và Đê Kjêng, Plei Atur, Kon Brung				4.800	4.533	267
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 06						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nghĩa trang (công, tường rào, sân bê tông, phân lô khu chôn cất, nhà linh, đường bê tông nội bộ, hệ thống chiếu sáng)		Thôn 1		5.980	5.648	332
11	Xã Bầu Cạn	UBND Xã Bầu Cạn			7.600	6.899	701
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung số 1						
	Đường GTNT thôn Đoàn Kết (nhánh 01 từ tỉnh lộ 663 giáp Trụ sở Đảng ủy đến đường nhựa cũ dài 195m, nhánh 02 từ sau Trụ sở Đảng ủy xã đến đường bê tông cũ dài 282m)		Thôn Đoàn Kết	0,477km	1.200	1.000	200
	Đường GTNT thôn 6 (nhánh 01 từ nhà ông Đoàn đến nhà ông Kel dài 310m, nhánh 02 từ nhà Suit đến nhà Xíp dài 400m, nhánh 3 từ Hội trường thôn đến nhà H' Blong dài 150m)		Thôn 6	0,86 km	1.700	1.566	134
	Đường GTNT thôn 7 (nhánh 01 từ nhà ông Kpă Bóp đến nhà ông Rơ Lan Chi dài 250m, nhánh 02 từ nhà ông Lê Văn Diễm đến nhà ông Rơ Mah Nhét dài 250m, nhánh 03 từ nhà ông Rơ Mah Sur đến nhà ông Puih Yom dài 150m)		Thôn 7	0,65 km	1.300	1.250	50
	Đường GTNT làng Bàng (nhánh 01 từ nhà ông Thu đến nhà ông Vũ dài 365 m, nhánh 02 từ nhà ông Kim đến nhà ông Dong dài 485m)		Làng Bàng	0,85 km	1.600	1.500	100
	Đường GTNT thôn 5 (nhánh 01 từ nhà bà Rơ Lan Nghéch đến đất rẫy ông Vĩnh dài 150m, nhánh 02 từ nhà bà Rơ Mah Thon đến Nghĩa trang thôn 170m)		Thôn 5	0,32 km	700	583	117
	Đường GTNT thôn 6 từ nhà Djep đến nhà ông Thự		Thôn 6	0,5 km	1.100	1.000	100
12	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ			7.820	5.968	1.852
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 1						
	Đường giao thông nông thôn làng Weh: Điểm đầu từ sân bóng đến điểm cuối nhà bà Ngler làng Chúp		Làng Weh	1300 m	1.750	1.300	450
	Đường giao thông nông thôn làng Ring Rai từ nhà ông Hmơ đến nhà ông Yúi		Làng Ring Rai, xã Biển Hồ	1200 m	1.370	1.057	313

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông nông thôn làng Bông từ nhà ông Hmet đến nhà ông Leh và từ tỉnh lộ 671 tới sân bóng làng Bông		Làng Bông	920 m	1.200	867	333
	Đường giao thông nông thôn làng Ia Mút từ nhà ông Hmiu đến nhà ông Djurl		Làng Ia Mút	900 m	1.000	794	206
	Đường giao thông nông thôn làng Hol từ dốc Ia Mút đến nhà ông Phiên		Làng Hol, xã Biền Hồ	1200 m	1.400	1.083	317
	Đường giao thông nông thôn làng Ia Mút từ nhà ông Klin đến nhà ông Lê Xuân Lưu		Làng Ia Mút	1000 m	1.100	867	233
13	Xã Bình An	UBND Xã Bình An			6.509	5.231	1.278
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 1						
	Đường ĐH28 đi Trạm bơm Đồng Hòa		Đồng Hòa		1.650	1.260	390
	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL 19B đến xóm Bánh		Kiên Long		1.680	1.370	310
	Tuyến đường từ QL19B đến tuyến đường ĐH.28, hạng mục: Nền, mặt đường BTXM		Văn Tường, Kien Trai		3.179	2.601	578
14	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương			5.000	3.428	1.572
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Sửa chữa, mở rộng BTXM từ Quốc lộ 1A đến sân vận động xã		Văn Trưởng	1200 m	2.130	1.456	674
	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ QL.1A đến nhà ông Trí thôn Phú Nhiều		Phú Nhiều	1200 m	2.050	1.406	644
	BTXM tuyến đường từ ngõ ông Phụng đi Đàm Trà ở		Dương Liều Bắc	300 m	820	566	254
15	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình Hiệp			4.430	3.592	838
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ nhà ông Thanh đến nhà ông 4 Sương		Thôn Rhu Thôn Hoa	0,55 km	1.450	1.173	277
	Nâng cấp mở rộng đường đến khu dân cư Hòa Mỹ		Mỹ	0,5 km	1.610	1.310	300

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đoạn từ nhà Tạ Văn Lai giáp đám bờ lù		Thôn Thuận Hiệp	0,692km	1.370	1.109	261
16	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê			12.161	9.863	2.298
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Nâng cấp đường vào cụm công nghiệp Cầu 16 và khu chăn nuôi công nghệ cao 450ha		Thượng Sơn	2,6 km	12.161	9.863	2.298
17	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú			10.650	10.110	540
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, sửa chữa, thảm BT nhựa mặt đường từ Chùa Phước Sơn đến Hàm Hồ		Thôn Phú Mỹ - Phú Lộc	1,5 km	9.010	8.552	458
	Nâng cấp, mở rộng cầu bản tuyến đường từ chợ Vĩnh An đến làng Xà Tang		Xà Tang		1.640	1.558	82
18	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong			12.010	10.140	1.870
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Sửa chữa, nâng cấp đường láng nhựa đường liên thôn (từ ngã 3 làng Nủ đến thôn An Lộc)	UBND xã Ngoong	Làng Nu- An Lộc	3 km	1.890	1.598	292
	Đường BTXM tuyến liên thôn (từ đất Lê Thị Thiện đến ngã 3 đường)	UBND xã Ngoong	Nha- Tờ Đông	0,75 km	1.150	975	175
	Đường BTXM tuyến liên thôn (từ ngã 3 nhà Thiên đến nhà ông Blêu)	UBND xã Ngoong	Nha- Tờ Đông	1 km	1.430	1.203	227
	Đường BTXM trục thôn (Điểm đầu từ Ông Kloi - điểm cuối nhà ông Tiến)	UBND xã Ngoong	Phẩm Klah	0,75 km	1.070	903	167
	Đường BTXM trục thôn làng KLú	UBND xã Ngoong	Làng Kluh	0,75 km	1.120	943	177
	Đường đá láng nhựa trục thôn (sửa chữa) (Điểm đầu từ ngã 3 làng Kênh Siêu cuối đến cầu tràn Thái Hà)	UBND xã Ngoong	Thái Hà	0,8 km	750	637	113

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường BTXM trục thôn Phăm Klah từ nhà ông Siu Bi đến ngã 3 nhà ông siu Nguyên và từ nhà ông Vinh- Siu Chân đến nhà ông Thor	UBND xã Ngoong	Thôn Phăm Klah	1 km	1.410	1.188	222
	Xây cống, hàng rào	UBND xã Bờ Ngoong			1.340	1.132	208
	Cải tạo mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng	UBND xã Bờ Ngoong			1.850	1.561	289
19	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh Liên			13.400	13.400	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Von đến đường BTXM đốc Gia Co, từ trường mẫu giáo cũ đến Nhà văn hóa mới làng Cát		Làng Cát	0,33 km	1.400	1.400	
	Nội dung 10						
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt làng Cát và làng Kà Bông		Làng Cát và làng Kà Bông	Cong suất 350 m ³ /h	12.000	12.000	
20	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh			13.129	11.091	2.038
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 1						
	San ủi mặt bằng và đầu tư đường nội bộ khu dân cư xen ghép làng Canh Tiến		Làng Canh Tiến		800	676	124
	Nâng cấp BTXM các tuyến đường làng Canh Tiến		Làng Canh Tiến		680	571	109
	Đường vào suối hoa trang (Suối tre)		Canh Tiến		1.030	870	160
	Xây dựng đường giao thông nông thôn làng Canh Tiến		Canh Tiến		980	824	156
	Nâng cấp mở rộng bê tông xi măng, thảm nhựa các tuyến đường của các làng trên địa bàn xã		Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá, Suối Trầm		710	603	107
	Nâng cấp BTXM đoạn đường QL19C đi thôn Kinh Tế		Thôn Kinh Tế		1.890	1.600	290
	Đường bê tông nông thôn từ ngõ ông Đào Văn Dũng đến ngõ trường Mầm non điểm xóm 3, thôn Bình Long		Thôn Bình Long		1.030	868	162

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 10						
	Mở mạng lưới cấp nước tập trung các làng Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá		Thị trấn Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá		970	818	152
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường Mẫu giáo Canh Hiệp (Điểm trường Canh Tiến): Hạng mục: 2 phòng lớp học (kết hợp nhà vệ sinh học sinh), 2 phòng ở GV, khu vận động, vườn cổ tích, sân bê tông, cổng ngõ tường rào, nhà xe GV, phòng bếp.		Canh Tiến		5.039	4.261	778
21	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến			5.050	3.472	1.578
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến; Tuyến đường từ nhà Mai Thị Tiên - Khu TDC Vùng sạt lở thiên tai tại Núi Cấm; Tuyến từ ngã 3 thầy tích đến giáp đê Chánh Thắng		Thị trấn Chánh Thắng, Chánh Thắng	1200 m	2.660	1.834	826
	Nội dung 02						
	Xây dựng tuyến kè đoạn từ Miếu bà Bá đến ruộng Nguyễn Dũng, thôn Trường Thạnh.		Thị trấn Trường Thạnh	500 m	2.390	1.638	752
22	Xã Chợ Long	UBND Xã Chợ Long			10.170	9.654	516
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nội đồng làng Klăh xã Chợ Long		Làng Klăh, xã Chợ Long	4 và hệ thống	3.700	3.512	188
	Đường giao thông nội đồng làng Tpe xã Chợ Long		Làng Tpe, xã Chợ Long	4 và hệ thống	6.470	6.142	328
23	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai			12.682	10.834	33.233
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường GTNT nội thôn Plei Glung Mơ Lan			1120 m	2.508	2.222	286
	Đường GTNT thôn Thôn Kim Môn (Điểm đầu giáp với tỉnh lộ 662B - Điểm cuối vào nội thôn)			850 m	2.428	2.035	393
	Đường GTNT nội thôn Thanh Hà (Điểm đầu từ nhà ông Thương - Điểm cuối giáp với kênh chính Ayun Hạ)			450 m	2.248	1.882	366
	Đường nội đồng cánh đồng thôn Drok (Điểm đầu giáp với Đường BTXM hiện trạng - điểm cuối đi vào rẫy các hộ dân)			1050 m	2.109	1.771	338
	Đường giao thông nội đồng cánh đồng lớn thôn Plei Pông (Điểm đầu tiếp giáp đường BTXM hiện trạng - Điểm cuối nhà của ông Đinh Prich)			800 m	2.289	1.922	367
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương N1-1 (Đoạn gần sông Yun)		Xã Chư A Thai	100 m	290	239	51
	Kiên cố hóa kênh mương N1-1-2		Xã Chư A Thai	600 m	810	763	47
							31.385
24	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey			10.400	9.861	539
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường vào khu sản xuất làng Bơch Siêu		Xã Chư Krey	Điểm đầu, mặt đường BTXM	2.320	2.199	121
	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng Kial		Xã Chư Krey	Điểm đầu, mặt đường BTXM	2.250	2.133	117
	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng Biên		Xã Chư Krey	Điểm đầu, mặt đường BTXM	2.390	2.263	127
	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng Chiêu Liêu		Xã Chư Krey	Điểm đầu, mặt đường BTXM	3.440	3.266	174

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
25	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh			6.060	4.498	1.562
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Đường qua nông trường sản xuất xã Hoà Phú cũ (đường tránh HCM)		Xã Hoà Phú (cũ)	0,35 km	700	520	180
	Đường Làng Kênh (3 nhánh)		Làng Kênh - Nghĩa Hoà cũ	0,75 km	1.230	912	318
	Tên tuyến: đường thôn 5 (xã Nghĩa Hoà cũ)		Xã Nghĩa Hoà (cũ)	0,7 km	1.090	810	280
	Tên tuyến: đường thôn 2 thị trấn Phú Hoà: dài L1=580m.		Thị trấn Phú Hoà	0,6 km	950	707	243
	Tên tuyến: đường thôn 1 xã Nghĩa Hoà: dài 100m		Xã Nghĩa Hoà (cũ)	0,1 km	200	149	51
	Tên tuyến: Đường vào khu sản xuất thôn 3 (xã Nghĩa Hoà cũ).		Xã Nghĩa Hoà (cũ)	0,7 km	1.890	1.400	490
26	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông			6.840	5.060	1.780
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường làng Bò (từ đường lán nhựa đến nhà Nga Long, Nối tiếp đoạn chùa Hương đến trại gà Thắng Tươi, Từ nhà bà Bưởi đến nhà ông Lợi)		Làng Bò	0,98 km	1.960	1.453	507
	Đường làng Bạc 1 (Từ vườn nhà ông Lót đến vườn nhà bà Thiên)		Làng Bạc 1	0,4 km	760	563	197
	Đường thôn 4 (Từ nhà ông Rơ Mah Bráp đến nhà ông Siu Lan, Từ nhà ông Rơ Lan Diól đến nhà bà Puih Glem)		Thôn 4	0,27 km	570	422	148
	Đường thôn 4 (Từ nhà ông Rah Lan Quyết đến nhà Mô và giọt nước)		Thôn 4	0,38 km	760	562	198
	Đường thôn 4 (Từ nhà ông Siu Khơ đến nhà ông Kpă Prôl, Từ nhà ông Kpă Yurơ đến nhà ông Kpuih Chúc, Từ vườn nhà ông Thắng đến ruộng lúa)		Thôn 4	0,42 km	820	605	215

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường làng Nủ (Từ nhà ông Hiều đến nhà ông Hường, nhà ông Blah đến nhà ông Dự, Từ nhà ông Nhân đến nhà ông Dổ, nhà ông Vong Đến nhà ông Khéc)		Làng Nủ	0,493 km	1.000	739	261
	Đường làng Lân (Nhà ông Tuấn - ông Meo, nhà ông Dial - ông Mrâu, Nhà ông Nông - ông Brổ, nhà ông Thịn - ông Blam, nhà ông Hdet - ông Pih, nhà ông Klep - ông Hdach, nhà ông Brang - ông Ủy, nhà ông Blông - ông Hiều)		Làng Lân	0,52 km	970	716	254
27	Xã Chư Puh	UBND Xã Chư Puh			7.490	6.343	1.147
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường nội thôn: Nhà cô Nguyệt - Nghĩa địa thôn		riết Kry	650 m	1.300	1.102	198
	Đường thôn Hòa An: Đoạn nối tiếp CMT8- cuối KDC		Hòa An	125 m	380	325	55
	Đường nội thôn Nhà Nay Pen- Ma Neo		riết Kry	480 m	980	831	149
	Đường nội thôn Nhà SHCD thôn - Đường Tránh Đông		riết Kry	680 m	1.170	985	185
	Đường nội thôn: Rmah H'Lanh - Đi giọt nước 3 tấm ván		riết Kry	450 m	910	772	138
	Đường nội thôn: Phạm Thị Bim - Trương Hoàng Anh		Hòa Sơn	560 m	1.140	966	174
	Nội dung 02						
	Hệ thống kênh ngầm cánh đồng Ia Tung		riết Kry		1.610	1.362	248
28	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê			7.591	4.678	2.913
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường trục chính, Làng Ia Pét		Làng Ia Pét	800 m	840	519	321
	Đường trục chính, Làng Tào Roòng		Làng Tào Roòng	3930 m	4.261	2.624	1.637
	Đường trục chính nội đồng, làng Greo Sék		Làng Greo Sék	2200 m	2.490	1.535	955
29	Xã Cửu An	UBND Xã Cửu An			6.843	5.829	1.014
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hết đến nhà ông Lê Văn Ốm		Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	85 m	407	339	68
	Tuyến đường đi qua chợ xã Cửu An		Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	120 m	600	500	100
	Đường Từ Nhà ông Huỳnh Long Môn đến Nhà văn hóa thôn An Điền Nam		Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	125 m	600	542	58
	Đường nhà ông Hà Thanh Hoàng đến đường huyện 76 (Hà Thanh Phong)		Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	426 m	2.100	1.833	267
	Đường ngõ xóm CĐ (tỉnh 669 nhà ông Hoàng đến Bàu rộc Tảo)		Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	70 m	300	250	50
	Nội dung 02						
	Kênh mương Bàu Mười Thiên		Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	420 m	630	525	105
	Kênh mương Bàu Chánh		Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	650 m	975	813	162
	Nội dung 10						
	Giếng khoan lấy nước các làng đồng bào, dân tộc thiểu số		Làng Nhoi. Làng Pờ Nang; Làng Hào	Khoan 5 giếng lấy nước	510	425	85
	Bể chứa nước và các thiết bị kèm theo các làng đồng bào, dân tộc thiểu số		Làng Nhoi. Làng Pờ Nang; Làng Hào	Xây dựng mới 3 bể chứa	135	113	22
	Đường ống dẫn nước		Nhoi. Làng Pờ Nang; Làng Hào	1,5 km	586	489	97
30	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa			5.311	3.662	1.649
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường từ Trung tâm xã Đak Đoa đi Quốc lộ 19		Các thôn	2,1 km	5.311	3.662	1.649
31	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ			11.220	9.475	1.745
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM (đoạn đất ông Bal đi khu sản xuất)		Làng U.....	2 km	7.370	6.232	1.138
	Đường BTXM (đoạn sau làng)		Làng Kruối Chai	1 km	3.850	3.243	607
32	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak Rong			8.466	8.466	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường nội làng Kon Lóc 2		Làng Kon Lóc 2	Đường BTXM,	750	750	
	Đường đi khu sản xuất làng Hà Đùng 2		Làng Hà Đùng 2	Đường BTXM, Đường 2.5	6.216	6.216	
	Đường đi cánh đồng Kon Lóc 1		Làng Kon Lóc 1		1.500	1.500	
33	Xã Đak Somei	UBND Xã Đak Somei			8.530	8.095	435
	Hợp phần 1						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ Quốc lộ 19D đi làng Pral Somei, xã Đak Somei. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng một số đoạn trọng yếu		Làng Pral Somei	Đường cấp, mở rộng đường	8.530	8.095	435
34	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song			8.428	8.428	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nâng cấp công thoát nước suối Krôi (Điểm đầu giáp rẫy hộ bà Nguyễn Thị Xuân Bình, điểm cuối làng Kte cũ)		Làng Kte-Kchăng	Công thoát nước	1.142	1.142	
	Đường nội làng Kliết - H'ôn, đoạn đối diện điểm trường Cao Bá Quát, đến giáp nhà rông làng H'ôn cũ; Đoạn giáp trường mầm non Hoà Bình (làng Kliết cũ) điểm giáp nhà ông Thuyết		Làng Kliết-H'ôn	290 m	734	734	
	Đường nội làng Mèo (Điểm đầu giáp nhà hộ ông Đinh Nhen , điểm cuối giáp nhà hộ ông Đinh Nhon)		Làng Mèo	207 m	730	730	
	Đường nội đồng làng Blà (Điểm đầu giáp đường BTXM đường xã đi làng Mèo, điểm cuối rẫy hộ ông Đinh Chêl)		Làng Blà	2 km	3.316	3.316	
	Đường nội làng Krắc (Điểm đầu từ nghĩa địa cũ làng Krắc, điểm cuối giáp hộ ông Đinh Ớt)		Làng Krắc	600 m	1.549	1.549	
	Nội dung 05						
	Trường mầm non Hoà Bình (điểm làng Kliết-H'ôn, Krắc, làng Kte-Kchăng)		Làng Kte-Kchăng + làng Kliết-H'ôn+ làng	Mai vòm, giếng khoan và	549	549	
	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân tại trung tâm xã		Làng Mèo	Sân boc tông và	408	408	
35	Xã Đê Gi	UBND Xã Đê Gi			6.189	4.086	2.103
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 2						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM nội đồng, tuyến từ bê tông làng nghề đến đường liên thôn (Cảnh An - Phú Hiệp)		Thôn Phú Hiệp	0,95 km	2.529	1.671	858
	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Quý đến nhà ông Phạm Ngọc Khương (Thôn Thái Phú)		Thôn Thái Phú	0,65 km	1.170	769	401
	Tuyến đường bê tông giao thông nội đồng từ Đập Cây sữa chạy ra đồng Bãi		Thôn Cảnh An	1 km	2.490	1.646	844
36	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ			6.350	5.466	884
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường tuyến 2 đi khu diễn tập (Đoạn từ ngã sau Hon Đa Vũ)		Lung Prông	0,3 km	800	674	126
	Đường giao thông nội làng Ấp (Đoạn từ ngã ba Định - Mũi đi tuyến sau)		Làng Ấp	0,9 km	2.300	2.083	217
	Đường T3 đi khu sản xuất (Trạm y tế đi rẫy cao su)		Làng Krai	0,35 km	800	667	133
	Các nhánh đường nội làng Grôn (Đoạn 1 gần nhà SHCD đi nhà ông Tép; đoạn 2 từ ngã ba đi nhà ông A)		Làng Grôn	0,35 km	800	667	133
	Các nhánh đường ra khu sản xuất 1 Làng Pnuk (Đoạn 1 tiếp nối đường BT công chào; đoạn 2 từ ngã ba đi khu sản xuất)		Làng Pnuk	0,42 km	900	750	150
	Đường giao thông các nhánh nội làng		Làng Grôn	0,3 km	750	625	125
37	Xã Gào	UBND Xã Gào			15.080	12.755	2.325
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng đường O Grang đi Dê Chí				1.770	1.506	264
	Làm mới đường làng B đến làng C đoạn từ đất nhà Huỳnh Bích Phượng đến giáp đường Trần Can				3.990	3.374	616
	Nội dung 10						
	Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch tập trung làng B, Làng O Grang		Làng B, Làng O Grang		9.320	7.875	1.445
38	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội			4.671	3.858	813
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Mở rộng đường BTXM tuyến Chợ Ba Làng đi Trụ sở thôn Hòa Đại		Thôn Hoà Đại	2,2 km	4.671	3.858	813
39	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân			5.958	4.083	1.875
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tuyến đường từ nhà ông Hồng (Thanh Tú) đến nhà ông Thanh (Gia Trí)		Xã Hoài Ân	Đường BTXM, Bmặt = 5,5m	2.419	1.660	759
	Tuyến đường từ đường ĐT 630 đến Trường Tiểu học số 02 Ân Đức		Xã Hoài Ân	Đường BTXM, Bmặt = 5,5m	970	662	308
	Tuyến đường từ ĐT 638 đến khu chăn nuôi tập trung xã Hoài Ân				2.569	1.761	808
40	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn			7.420	7.050	370
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM GTNT xã Hội Sơn; Tuyến: từ nhà ông Nguyễn Đình Hiếu đến nhà thờ Cây Rời		Thôn Đại Khoang, xã Hội Sơn	0,92 km	2.620	2.495	125
	Đường BTXM GTNT xã Hội Sơn; tuyến từ đồng Cây Chanh đến nhà ông Nguyễn Bình		Thạch Bàn Tây, xã Hội Sơn	0,73 km	2.280	2.162	118
	Đường BTXM GTNT xã Hội Sơn; Tuyến từ xóm Sơn Tuyền đến Hồ Hội Sơn		Thôn Trại Sơn, xã Hội Sơn	0,82 km	2.520	2.393	127
41	Xã Hra	UBND Xã Hra			7.700	6.540	1.160
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đoạn từ nhà Tuy đến ngã 3 đường đi Tơ PleL		Ch'rong II	0,2 km	700	612	88
	Đường BTXM trục làng, Nội làng Đê Kôn từ nhà ông MroiH đến nhà Nhơ		Đê Kôn	0,3 km	940	798	142
	Tuyến đường từ nhà ông dũi đến nhà wui		Kdung	0,2 km	600	509	91
	Tuyến đường từ nhà Proh đến giọt nước		Kdung	0,2 km	550	468	82
	Tuyến đường từ điểm đầu trạm thủy nông đến cuối làng Bokayol		Phú Danh	0,8 km	2.430	2.054	376
	Tuyến đường từ nhà Yuan đến khu SX ruộng		Kdung	0,4 km	1.000	846	154

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tuyến đường từ nhà SH cộng đồng Kdung tổ 2 đi xuống ruộng		Kdung	0,45 km	770	650	120
	Đường từ nhà rông đến giáp rừng thông		Đê Kôn	0,3 km	710	603	107
42	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng			8.770	7.493	1.277
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông Thôn 6 xuống hồ Ia Băng (giáp đường liên thôn vào thôn O Đất đến hồ Ia Băng)		Thôn 6	0,35 km	1.200	1.107	93
	#####		Thôn O Đất	1,35 km	2.120	1.792	328
	Đường giao thông Thôn Breng đi khu sản xuất (từ nhà ông APhong; đến giáp đường bê tông)		Thôn Beng	0,5 km	930	782	148
	Đường giao thông nông thôn thôn Hàm Rồng (từ nhà ông Quang đến nhà bà Vân)		Thôn Hàm Rồng	0,8 km	1.460	1.235	225
	Đường giao thông Thôn Ia Klai (từ đường tránh QL 19 đến điểm cuối nhà ông Hiên; đoạn từ đường tránh QL 19 đến điểm cuối nhà ông Tú; đoạn từ nhà ông Xuân đến nhà ông Nga; đoạn từ ông Hoá đến nhà ông Hợp)		Thôn Ia Klai	0,78 km	1.430	1.204	226
	Đường giao thông thôn Bông Lar + Điểm đầu: nhà HLUH, điểm cuối nhà SÔNG, 200m; + Điểm đầu nhà HMOM, điểm cuối nhà AYAN; 200m + Điểm đầu nhà BÔN, điểm cuối nhà LÔ; 100m + Điểm đầu nhà Hul, điểm cuối nhà SER 500m		Thôn Bông Lar	1 km	1.630	1.373	257
43	Xã Ia Boòng	UBND Xã Ia Boòng			8.840	7.477	1.363
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông làng Siu (từ nhà ông Siu Guil đến nhà ông Giờ)		Làng Siu	170 m	440	375	65
	Đường giao thông nông thôn làng Nót (từ nhà Nguyễn Xuân Thuận đến nhà bà Nguyễn Thị Bích Dung)		Làng Nót	150 m	420	351	69
	Đường giao thông nông thôn làng Quen (nhà Siu Bih đến nhà Siu Hanh)		Làng Quen	150 m	440	371	69

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông nông thôn làng Klũh Klăh (đoạn 1 từ nhà Siu Gdác đến nhà Ksor Mill; đoạn 2 từ nhà Phan Văn Phê đến nhà Kpă Boh)		Làng Klũh Klăh	220 m	580	494	86
	Đường giao thông nông thôn làng Đê Sơ (nhà Kpă Kuan đến nhà Nguyễn Thị Mây)		Làng Đê Sơ	650 m	1.630	1.381	249
	Đường giao thông nông thôn làng Gà (nhà Siu H Thanh đến giọt nước)		Làng Gà	600 m	400	340	60
	Rãnh thoát nước đường giao thông làng Khor		Làng Khor	280 m	340	285	55
	Đường giao thông nội thôn Yên Me (nhà Đỗ Thành Luân đến nhà Hồ Công Định)		Thôn Yên Me	150 m	420	355	65
	Đường giao thông nông thôn làng Quen (Nhà thôn phó đến nhà Rơ Lan Hlo)		Làng Quen	200 m	550	469	81
	Đường giao thông nông thôn làng Quen (Nhà Siu lý đến nhag Kpă Hro)		Làng Quen	150 m	400	335	65
	Đường giao thông nội đồng thôn Đoàn Kết (nghĩa trang nhân dân xã đến suối Rang)		Thôn Đoàn kết	400 m	980	827	153
	Đường giao thông nội đồng làng Quen (Cầu Ba Tinh đến rẫy ông Ven)		Làng Quen	850 m	2.240	1.894	346
44	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia			12.075	12.075	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Xây mới đường làng Nủ 1 (đoạn đường cuối làng Nủ 1 đi Đội 16)		Làng Nủ 1	1400 m	2.000	2.000	
	Sửa chữa tuyến đường Làng Nủ 1 (Ngã 3 Đội 14 của làng Nủ II đi làng Nủ 1)		Làng Nủ 1	3800 m	4.075	4.075	
	Sửa chữa các tuyến đường Làng Lang		Làng Lang	2100 m	3.000	3.000	
	Sửa chữa các tuyến đường Làng Beng		Làng Beng	2150 m	3.000	3.000	
45	Xã Ia Dok	UBND Xã Ia Dok			9.151	8.709	442
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông làng Dok Ngol		Làng Dok Ngol	1400 m	2.300	2.212	88
	Đường giao thông làng Dok Lăh		Làng Dok Lăh	1600 m	1.350	1.282	68
	Đường giao thông làng Sung Kép đi khu sản xuất				3.611	3.419	192
	Đường giao thông làng Ghè		Làng Ghè	1100 m	1.890	1.796	94
46	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom			7.527	7.527	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông đi thủy điện cũ vào vườn Tách (đoạn nối tiếp)			1,5 km	2.527	2.527	
	Đường giao thông đoạn từ 5K đi suối Đôi			1,1 km	2.000	2.000	
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Mook Trêl, (đoạn từ ngã 3 đi cây phượng)			0,8 km	1.000	1.000	
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Mook Trang (đoạn từ QL19 đi vào khu dân cư)			2 km	2.000	2.000	
47	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh			8.120	7.749	371
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường nội thôn các buôn: Buôn Kơ Jing; Buôn Chờ Tung Buôn Hdreh		B.Kơ Jing + B.Chờ Tung + B.Hdreh	275 m	510	481	29
	Đường vào KSX buôn Ia Klon (từ sau núi 1 đến rẫy Oi Đen)		Buôn Ia Klon	1 km	1.570	1.552	18
	Đường vào KSX buôn Ia Klon (từ rẫy Oi Nhông đến rẫy Oi Táo)		Buôn Ia Klon	0,5 km	840	792	48
	Đường nội thôn buôn Jú (từ đường Trường Sơn Đông đến nhà ông Ma H'Diệp)		Buôn Jú	0,1 km	250	234	16
	Đường nội thôn buôn Jú (từ đường Ma Rô đến nhà ông Ma Thư)		Buôn Jú	0,1 km	260	245	15
	Nội dung 10						
	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Ia Sóa (Buôn Hlỏi cũ)		Buôn Ia Sóa		1.280	1.211	69

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 04						
	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến đường liên xã		Các tuyến đường liên xã	17000 m	2.780	2.637	143
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần số 01						
	Nội dung 01						
	Trường Mầm Non Ngôi Sao Nhỏ		Xã Ia Deh		630	597	33
48	Xã Ia Grai	UBND Xã Ia Grai			7.118	5.202	1.916
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông làng O Rê 2		Làng O Rê 2, xã Ia Gra	600 m	3.059	2.182	877
	Nội dung 02						
	Kênh thủy lợi Làng Păng Gol - Phù Tiên, làng Út 2 (3,2km kênh mương)		Làng Păng Gol - Phù Tiên, làng Út 2	2 km	4.059	3.020	1.039
49	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao			7.390	7.025	365
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Công trình GTNT Bôn Oi Hly (đường thôn 1); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác		Bôn Oi Hly, xã Ia Gra	BT Xi M Bm=5,5	2.210	2.104	106
	Công trình GTNT Bôn Oi Hly (đường thôn 4); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác		Bôn Oi Hly, xã Ia Gra	BT Xi M Bm=5,5	1.940	1.843	97
	Nội dung 02						
	Công trình cải tạo nâng cấp Kênh N23-1		Xã Ia Hiao	729 m	1.110	1.057	53
	Công trình cải tạo nâng cấp Kênh N23-10		Xã Ia Hiao	622 m	960	913	47
	Công trình cải tạo nâng cấp Kênh N21-7		Xã Ia Hiao	983 m	1.170	1.108	62
50	Xã Ia Hnú	UBND Xã Ia Hnú			10.389	8.787	1.602
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01:						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Xây mới đường GTNT thôn Lũh Yố (Tuyến 1: Từ nhà ông Rmah Kroái đến nhà ông Nguyễn Văn Chăm, Tuyến 2: Từ nhà ông Ksor Ving đến nhà ông Nguyễn Vinh Lâm, Tuyến 3: Từ nhà ông Phạm Văn Hoàng đến nhà ông Rmah Bur)		Thôn Lũh Yố	1600 m	2.800	2.375	425
	Xây mới đường GTNT thôn Tung Dao (Tuyến 1: Từ nhà ông Rah Lan Bin đến nước giọt, Tuyến 2: Từ nhà ông Nguyễn Văn Oai đến nhà ông Đức, Tuyến 3: Từ nhà ông Rmah Đút đến nước giọt)		Thôn Tung Dao	800 m	1.450	1.223	227
	Xây dựng mới đường GTNT thôn Lũh Ngó (Tuyến 1: Từ nhà RChâm H'Toan đến nhà Rmah H'Blek; Tuyến 2: Từ nhà Rmah H'Ban đến nhà Siu H'Lang; Tuyến 3: Từ nhà Nguyễn Thị Thanh Tâm đến nhà Lê Đình Huân)		Thôn Lũh Ngó	540 m	1.230	1.043	187
	Xây dựng mới đường GTNT thôn Tung Mo A (Tuyến 1: Từ nhà Rmah H' Aneh đến nhà Rlan H' Roh, Tuyến 2: Từ nhà Rlan Geng đến đường Nghĩa địa, Tuyến 3: Từ Nghĩa địa đến điểm nối thôn Tung Chreh)		Thôn Tung Mo A	2200 m	3.899	3.295	604
	Xây dựng mới tuyến đường nội thôn Kueng XN		Thôn Kueng XN	500 m	1.010	851	159
51	Xã Ia Hrug	UBND Xã Ia Hrug			6.990	5.194	1.796
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Làm mới Đường nội thôn làng yek		Làng yek	2500 m	3.420	2.544	876
	Làm mới Đoạn đường nội thôn làng Jut 1 (đoạn từ nhà Puih Hluên đến nhà ông Hun; từ nghĩa địa xuống nước giọt; từ ông Chuyên đến vườn rau; từ nhà Rơ côm Ha ni đến cánh đồng ruộng; từ nhà Siu Vót đến siu Vành)		Làng Jut 1	900 m	1.510	1.120	390
	Nội dung 02						
	Kiên cố đoạn cuối kênh chính			1,4 km	2.060	1.530	530
52	Xã Ia Khuol	UBND Xã Ia Khuol			11.551	9.766	1.785
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông làng Kon Sơ Lăl		Làng Kon Sơ Lăl	0,772 km	1.450	1.229	221
	Đường giao thông làng Tơ Ver		Làng Tơ Ver	2,7 km	2.981	2.522	459
	Đường giao thông làng Rơ Vai		Làng Rơ Vai	2,7 km	3.020	2.548	472
	Đường giao thông làng Tơ Vơ 2		Làng Tơ Vơ 2	2,7 km	2.860	2.418	442
	Đường giao thông thôn Tân Lập		Thôn Tân Lập	0,6 km	1.240	1.049	191
53	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko			8.730	7.380	1.350
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường xương cá (Đoạn nhà Hưng), làng Tol, xã Ia Ko				1.390	1.176	214
	Đường xương cá từ giữa làng đến đường liên xã, làng Tel, xã Ia Ko				380	324	56
	Đường từ nhà ông Siu Klôn đến nhà ông Kpui Chur, thôn 6C				410	346	64
	Đường đi cầu Tai Glai (qua Ia Vê), làng Tai Glai, xã Ia Ko				2.910	2.461	449
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương tại làng Á				2.030	1.717	313
	Nội dung 09						
	Đầu tư hệ thống truyền thanh cụm xã Ia Hl ốp (cũ)				830	698	132
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						
	Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN				780	658	122
54	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái			7.630	6.480	1.150
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Ly đến Nhà bà Nguyễn Thị Ngoan		Thôn 1	0,2 km	500	424	76

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Xây dựng mới đường giao thông nội thôn thôn Ia Châm (đoạn từ ngã tư chợ đến nhà ông Đạt và nhà Bà Khoát)		Thôn Ia Châm, xã Ia Krái	0,83 km	1.550	1.344	206
	Đoạn từ Phòng đội 26/3 đến Nhà ông Hựu giới		Thôn Ia Châm, xã Ia Krái	0,118 km	260	218	42
	Xây dựng mới đường giao thông nội thôn (đoạn sau nhà Rông từ nhà bà Byoh đến nhà ông Thanh)		Làng Ó, xã Ia Krái	1 km	1.860	1.571	289
	Xây dựng mới đường giao thông nội bộ Thôn 2. (Đoạn từ nhà Ô Thắm tổ 3 đến nhà Ô Tinh Tổ 4)		Thôn 2, xã Ia Krái	1 km	1.940	1.640	300
	Xây dựng mới đường giao thông nội thôn (đoạn từ Tinh lộ 664 đi Tổ 5)		Thôn 3, xã Ia Krái	0,7 km	1.520	1.283	237
55	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl			8.570	7.253	1.317
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông kết nối làng Krêl - Krol		Làng Krêl, Krol	2,5 km	7.380	6.245	1.135
	Đường giao thông làng Krêl (KRE02)		Làng Krêl	0,3 km	580	493	87
	Đường giao thông làng Le 2 (LE2 02)		Làng Le 2	0,3 km	610	515	95
56	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu			9.160	8.714	446
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 01						
	Cầu thôn Đà Bắc			Thay mới 1 cầu bán cũ qua sông	750	739	11
	Đường giao thông thôn Lũng Vân (Từ nhà ông Phồn đến bà Nhuận)			1,2 km	1.470	1.392	78
	Đường giao thông thôn Lũng Vân (Từ nhà ông Thuý đến ông Tứ)			327 m	470	450	20
	Đường giao thông thôn 6			300 m	460	432	28
	Đường giao thông thôn Bắc Thái			1100 m	1.480	1.402	78
	Đường GTNT Làng Đút			2 km	2.910	2.755	155

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông thôn Pior 2 (Từ nhà ông Siu Bin đến đất ông Siu Kuân)			105 m	140	136	4
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						
	Mở rộng nhà văn hoá thôn Yên Hưng, Thôn 7			100 m	980	933	47
	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pior 1, Làng Tu.			100 m	500	475	25
57	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le			8.460	7.134	1.326
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông thôn Phú Bình		Thôn Phú Bình	0,5 km	950	809	141
	Đường giao thông thôn Kênh Hmek		Thôn Kênh Hmek	0,5 km	920	774	146
	Đường giao thông thôn Puối Lốp		Thôn Puối Lốp	0,5 km	980	825	155
	Đường giao thông thôn Thủy Phú A		Thôn Thủy Phú A	0,5 km	930	782	148
	Đường giao thông thôn Phú Hòa		Thôn Phú Hòa	0,5 km	970	817	153
	Đường giao thông thôn 6		Thôn 6	0,5 km	900	759	141
	Đường giao thông thôn Thiên An		Thôn Thiên An	0,5 km	960	808	152
	Đường ngõ xóm thôn Ia Brel		Thôn Ia Brel	1,2 km	1.850	1.560	290
58	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly			10.179	8.615	1.564
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông làng Yăh		Làng Yăh	1 km	3.060	2.598	462
	Đường giao thông làng Vân		Làng Vân	1 km	3.050	2.580	470
	Đường giao thông làng AL		Làng AL	1,5 km	4.069	3.437	632
59	Xã IA Mơ	UBND Xã Ia MƠ			7.783	7.783	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nông thôn làng Nấp		Làng HNấp	1 km	2.900	2.900	
	Đường giao thông nông thôn làng Krông (Từ tỉnh lộ 665 trước bệnh xá quân dân y kết hợp, Đoàn kinh tế quốc phòng 710 đến cầu vượt trạm bơm ban quản lý thủy lợi 07) Làng Krông		Làng Krông	1500 m	1.233	1.233	
	Đường giao thông nông thôn làng Nấp - NHÁNH 2		Làng HNấp	0,5 km	750	750	
	Đường giao thông nội đồng làng Nấp (tuyến Từ tỉnh lộ 665 tới trạm bơm ban quản lý thủy lợi 07)		Làng HNấp	2 km	2.900	2.900	
60	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan			7.310	7.310	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GT nội thôn Ia Chía (Từ nhà ông Thuần mai đến Nhà ông Khương Hữu)		Thôn Ia Chía		440	440	
	Đường nội đồng thôn Ia Đao (Tuyến 1: Từ Hộ rẫy ông Nguyễn Văn Thê đến hộ rẫy Hoàng Thị Thúy; tuyến 2: Từ Hộ rẫy Hoàng Thị Thúy đến rẫy Nguyễn Xuân Kính)		Thôn Ia Đao		860	860	
	Đường giao thông thôn Ia Kle (Tuyến 1: Từ nhà bà Hồ Kim Sơn đến nhà ông Nguyễn Văn Trường. Tuyến 2: Từ nhà ông Nguyễn Văn Vĩnh đến nhà ông Nguyễn Văn Toàn; Tuyến 3: Đoạn nhà ông Đề đến đoạn nhà ông Thông Long)		Thôn Ia Kle		620	620	
	Đường GT nội thôn Đức Hưng (Từ nhà mũ đơn vị đội 6 đến nhà Ông Nguyễn Văn Minh)		Thôn Đức Hưng		400	400	
	Đường GT nội thôn Ia Chía (Tuyến 1: Từ nhà ông Nam Điệp đến nhà ông Sơn Nhung; Tuyến 2: Dốc vào khu đồi phượng Hoàng)		Thôn Ia Chía		380	380	
	Đường nội đồng thôn Ia Đao (Đoạn Từ hộ Nguyễn Ngọc Lân đến rẫy hộ Nguyễn Văn Thiện)		Thôn Ia Đao		770	770	
	Đường GT thôn Đức Hưng (Từ tổ 7 đến nhà ông Nguyễn Văn Khá)		Thôn Đức Hưng		1.100	1.100	
	Đường nội đồng khu A làng Tung (Tuyến 1: Từ nhà Ksor Đam đến cánh đồng; tuyến 2: Từ nhà ông Rơ Lan Nuy đến cánh đồng)		Làng Tung		200	200	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường nội thôn GT thôn Ia Nhú (Tuyến 1: Từ nhà Hoàng Minh Đức xuống nhà Lê Anh Đức; tuyến 2: Từ nhà ông Chương đến lô cao su đội 7; tuyến 3: từ nhà ông Hoàng Minh Đức xuống nhà Tống Văn Chung; tuyến 4: từ nhà ông Văn đến cao su Đội 7)		Thôn Ia Nhú		500	500	
	Nội dung 02						
	Đập thủy lợi làng Tung		Làng Tung	22 ha	1.000	1.000	
	Nội dung 04						
	Hệ thống điện năng lượng mặt trời các làng				1.040	1.040	
61	Xã Ia O	UBND Xã Ia O			12.240	12.240	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đoạn từ trường học Chu Văn An		Làng Dăng	trong chiều dài	1.451	1.451	
	Đoạn từ nhà ông Sỹ đến nhà Psim và đoạn từ ông Rơ Châm Diêm đến bà Ksor Yim		Làng Dăng	trong chiều dài	521	521	
	Tuyến đường Từ Đường tỉnh lộ 664 à Nhà Puih Liệu		Làng Lân	trong chiều dài	619	619	
	Tuyến từ nhà Rơ Châm Bơn đến Nhà Rơ Mah Doaih		Làng Lân	trong chiều dài	671	671	
	Nội dung 04						
	Trường THCS Chu Văn An		Làng dăng		8.978	8.978	
62	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa			8.250	6.973	1.277
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM thôn Đăk Chă, gồm 4 nhánh (Nhánh 1: Đoạn từ QL.TSĐ đến đường giáp đường nội thôn; Nhánh 2: Đoạn từ nhà Trần Quốc Triệu đến sân bóng thôn; Nhánh 3: Đoạn từ Rcom Sơm đến nhà Ksor Yok)		Thôn Đăk Chă	0,7 km	2.090	1.765	325
	Đường BTXM Thôn Baleng (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Tiến Toàn đến kênh B22 đầu lô 6)		Thôn Baleng	0,7 km	2.020	1.706	314

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Sửa chữa một số tuyến đường BTXM thôn Quý Đức (Đoạn từ nhà ông Trần Thanh Châu đến nhà ông Cao Tất Thái)		Thôn Quý Đức	0,5 km	1.230	1.039	191
	BTXM đường thôn Ploi Ia Mron; gồm 2 nhánh (Nhánh 1: Từ quán tạp hóa bà Xim đến nhà Siu Đam; Nhánh 2: Từ nhà Siu Luật tới nhà Nay Anhuen)		Ploi Ia Mron	1 km	2.910	2.463	447
63	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí			8.840	7.474	1.366
	HỢP PHẦN THỨ NHẤT						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông Thôn 1			Đường BTXM	1.290	1.099	191
	Đường giao thông Thôn 2			Đường BTXM	1.250	1.052	198
	Đường giao thông Làng Mrông Yố 1			Đường BTXM	1.630	1.380	250
	Đường giao thông Làng Mrông Yố 2			Đường BTXM	1.550	1.308	242
	Đường giao thông Làng Mrông Ngó 3			Đường BTXM	1.620	1.366	254
	Đường giao thông Làng Mrông Ngó 4			Đường BTXM	1.500	1.269	231
64	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia			8.650	7.346	1.304
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM Làng Hát		Làng Hát	2140 m	3.280	2.803	477
	Đường BTXM Làng Xom Pốt (từ nhà mồ đến nhà ông Ô nhánh 1, từ tỉnh lộ 665 xuống nhà mã làng Xom nhánh 2		Làng Xom Pốt	2000 m	1.440	1.216	224
	Đường BTXM làng Hlang Ngol (Từ ngã 3 nhà ông Thới đến nhà ông Siu Kheo)		Làng Hlang Ngol	645 m	1.020	864	156
	Đường BTXM Thôn Tân Lập (dốc bảy bâng đến cây cao)		Thôn Tân Lập	1000 m	1.450	1.229	221

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường BTXM làng Tu 1, từ cao su ông Tài đến nhà ông Thánh		Làng Tu 1	450 m	710	602	108
	Đường BTXM làng Tu 2 (Từ nhà ông Viên đến nhà ông Mầu)		Làng Tu 2	500 m	750	632	118
65	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn			7.751	7.751	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Cầu làng Bua đi hồ đĩa (Cầu qua suối Ia Kriêng)		Làng Bua, xã Ia Pnôn	0,5 km	5.500	5.500	
	Tuyến từ làng Triêl qua đường làng Bua		Triêl, xã Ia Pnôn	0,3 km	751	751	
	Đường giao thông làng Bua		Làng Bua	0,6 km	1.500	1.500	
66	Xã Ia Púch	UBND Xã Ia Púch			6.780	6.780	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nội thôn làng Chư Kó Tuyến 1				3.300	3.300	
	Đường giao thông nội đồng làng Goòng Tuyến 10				2.100	2.100	
	Đường giao thông nội thôn làng Chư Kó Tuyến 3				1.380	1.380	
67	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol			8.331	7.903	428
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GTNT bôn Chư Băh A và Bôn Hiao (trước NVH Bôn Chư Băh A)		Bôn Chư Băh A và Bôn Hiao	175 m	350	331	19
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Đoạn từ Nay Nhuyen đến Siu Sun)		Rung Ma Nin	130 m	290	278	12
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Rai (Đoạn từ Nhà Văn hóa đến Nhà MaKum)		Rung Ma Rai	170 m	360	346	14

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Đoạn từ Đường liên xã đến Nay H' Nhim)		Rung Ma Nin	160 m	350	328	22
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Đoạn từ Đường liên xã đến Rah lan H' Đung)		Rung Ma Nin	60 m	150	147	3
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nhiu (Đoạn từ Đường liên xã đến Nay H' Điu)		Rung Ma Nhiu	150 m	340	318	22
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Rai (Đoạn từ Đường bê tông đến Rcom H' Broãi)		Rung Ma Rai	170 m	360	339	21
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Đoan (Đoạn từ Đường liên xã đến Nay H'Ngu)		Rung Ma Đoan	300 m	530	505	25
	Đường GTNT Bôn Hoanh (Đoạn từ Nay Khuen đến Nay Noi)		Bôn Hoanh	90 m	170	159	11
	Đường từ nhà ông Nay Thúi đến Trại heo Phú lộc phát.		Bôn Bir	2782,4	5.431	5.152	279
68	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai			8.680	7.339	1.341
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông buôn EKia, xã Ia Rsai (Đoạn từ Cầu Oi Kia đến Tập hóa Nhung)		Buôn Ekia	1000m, mặt đường BTXM	3.020	2.568	452
	Đường giao thông buôn Puh Chik, xã Ia Rsai (Đoạn từ cầu treo đến nhà bà Kpă H' Ding)		Buôn Puh Chik	1000m, mặt đường BTXM	2.110	1.778	332
	Đường GTNT Ka Tô, xã Ia Rsai (Đoạn từ nhà Ông Nguyễn Văn Kiên đến Chợ Chư Đông)		Buôn Ka Tô	1000m, mặt đường BTXM	1.840	1.551	289
	Đường GT liên thôn xã Ia Rsai (Đoạn từ cây xăng Như Ý Krông Pa đến nhà ông Ksor Khanh, đến tập hoá Mí Anh)		Xã Ia Rsai	1000m, mặt đường BTXM	1.710	1.442	268
69	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao			6.450	6.162	288
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường trục sản xuất xã Ia Sao (cánh đồng Bôn Hoang 1)		Bôn Hoang 1	1400 m	3.030	2.924	106

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông nông thôn giữa Bôn Hoang 1 và 2 (Đoạn từ QL 25 đến nhà ông Nay Bép)		Bôn Hoang 1, Bôn Hoang 2	500 m	680	646	34
	Đường giao thông nông thôn Bôn Hoang 2 (đoạn từ ngã tư đến cuối tuyến)		Bôn Hoang 2	337 m	520	492	28
	Đường giao thông nông thôn Bôn H' Liếp (từ trường Lê Lợi đến đất bà Rah Lan H' Brú)		Bôn H' Liếp	95 m	140	136	4
	Đường giao thông nội đồng thôn Quyết Thắng - Bôn Hoang 1 (từ Kênh mương N25 đến ruộng ông Nguyễn Xuân Thành)		Quyết Thắng, Bôn Hoang 1	390 m	680	640	40
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương N29-7 và N29-7a, Bôn Hoang 1		Bôn Hoang 1	700 m	720	681	39
	Kiên cố hóa kênh mương N29-8b, N29-8c và N29-8d		Xã Ia Sao	520 m	530	498	32
	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng 3/2		Quyết Thắng	115 m	150	145	5
70	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr			7.751	6.552	1.199
	Hợp phần thứ nhất						
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Blu đoạn từ nhà ông Siu Grit đến nhà ông Lê Văn Nguyên		Làng Blu, xã Ia Tôr	700 m	990	841	149
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Blu đoạn từ nhà ông Siu Hoach đến nhà bà Nguyễn Thị Hải		Làng Blu, xã Ia Tôr	600 m	860	729	131
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Mút Thong đoạn từ ĐX794 đến đường bê tông		Làng Mút Thong, xã Ia Tôr	800 m	1.230	1.037	193
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội đồng thôn 1 đoạn từ nhà mở đến suối		Thôn 1, xã Ia Tôr	1500 m	2.031	1.720	311
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Anh đoạn từ nhà ông Tô Văn Bản đến nhà ông Phùng Hồng		Làng Anh, xã Ia Tôr	2000 m	2.640	2.225	415
71	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul			11.469	10.897	572
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường BTXM tuyến nội đồng vào khu sản xuất trạm bơm 2, xã Ia Tul (Điểm đầu từ đường trục chính xã Ia Tul vào khu sản xuất Ia Rmie)		Bôn Biah A	0,5 km	1.200	1.145	55
	Đường giao thông Bôn Tông Ó cũ (Đoạn từ trục chính Bôn Tông Ó ra cánh đồng)		Bôn Júr	0,5 km	1.150	1.095	55
	Đường giao thông Bôn Ia Rniu đi Bôn Biah A, đoạn từ ngã tư Bôn Ia Rniu đi Bôn Biah A		Bôn Ia Rniu đi Bôn Biah A	1000 m	2.560	2.432	128
	Đường BTXM ra khu sản xuất thôn Ama Đá (Đoạn từ rẫy Ksor Put đến rẫy Ksor Kiêm)		Ama Đá (Đoạn từ rẫy Ksor Put đến rẫy Ksor Kiêm)	2,25 km	6.559	6.225	334
72	Xã Kbang	UBND Xã Kbang			8.259	6.123	2.136
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ Nhà rông làng Kbông đến ngã 3 đường liên xã đất bà Linh		Làng Kbông - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5	2.169	1.607	562
	Đường nội làng Chöch đoạn đường liên xã đi KSX sau làng		Làng Chöch - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5	790	590	200
	Đường nội làng Tăng đoạn từ đất Đình Thi đi khu sản xuất		Làng Tăng - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5	940	699	241
	Đường nội làng Lơ Vi đoạn từ Đất ông Đình A Lơ Vi đi đến đất ông Thông		Làng Lơ Vi - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5	1.740	1.289	451
	Đường đi khu sản xuất làng Đak Kmunng đoạn hết khu dân cư đi khu sản xuất		Làng Đak Kmunng - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	950	706	244
	Đường đi khu sản xuất làng Cam Đoạn hết khu dân cư đến giáp hồ thủy điện		Làng Cam - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	510	375	135
	Đường nội làng Chöch đầu cầu Hùng trắng đến BTXM hiện hữu (khu cánh đồng Đak Plen); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước		Làng Chöch - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	1.160	857	303
73	Xã KDang	UBND Xã KDang			11.669	9.871	1.798
	Hợp phần thứ nhất						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nông thôn làng Hlang (Đầu tuyến Từ nhà ông Jum đến nhà ông Ngiu; từ nhà ông Cao Văn Thắng đến cuối tuyến nhà ông Ayum). Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng và hệ thống thoát nước.			1,77 km	3.670	3.108	562
	Đường nội đồng thôn Hà Lông 2 xã Kdang (Từ nhà Bà Nguyễn Thị Kin Loan đến nhà ông Lê Trọng Thường (1500m); Từ nhà ông Tôn Thất Thu đến nhà ông Nguyễn Văn Hùng (800m); Từ nhà ông Lê Trọng Thường đến nhà ông Nguyễn Văn Tâm (1200m); Từ nhà ông Ngô Thanh Tùng đến Nguyễn Văn Nào (900m)		Thôn Hà Lông 2	4 km	7.999	6.763	1.236
74	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn			8.721	8.721	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường từ nhà Đinh Thị Cúc thôn T6 đến khu di tích Dốc Bà Bơi thôn T2		T6	1,5km	1.000	1.000	
	Nội dung 02						
	Đập Bể xe và hệ thống kênh mương tưới Bể xe		Thôn T1		2.300	2.300	
	Mương hồ Đồng Quang		Hương	0,405 km	821	821	
	Nội dung 10						
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt T6		Thôn T6		2.300	2.300	
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt T4		Thôn T4		2.300	2.300	
75	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng			8.930	8.930	
	Hợp phần thứ nhất:						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GTNT, Làng Git - Xã Kon Chiêng			220 m	730	730	
	Đường GTNT, Làng Git - Xã Kon Chiêng			450 m	1.100	1.100	
	Đường đi khu SX : Làng Tar - Xã Kon Chiêng			900 m	1.800	1.800	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường GTNT, đường đi khu SX : Làng Deng - Xã Kon Chiêng			L=1350 m	3.100	3.100	
	Nội dung 09						
	Đầu tư xây mới hệ thống đài truyền thanh của xã, mở rộng các cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn xã (33 cụm loa)....	Xã Kon Chiêng			2.200	2.200	
76	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang			8.070	6.826	1.244
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nông thôn thôn Đê Thung		Thôn Đê Thung	1,32 km	2.700	2.278	422
	Đường GTNT thôn Đê Hoch		Thôn Đê Hoch	0,2 km	520	438	82
	Đường GTNT thôn 1, Đak Krong		Thôn 1, Đak Krong	0,2 km	480	408	72
	Đường GTNT thôn Đê Klanh, Đak Krong		Thôn Đê Klanh	0,4 km	920	780	140
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Xây dựng 01 phòng học		Thôn Đê Klanh	01 phòng	1.020	865	155
	Xây dựng 01 phòng học		Thôn Đê Thung	01 phòng	1.010	856	154
	Nhà vệ sinh Trường Tiểu học Đak Krong		Trường Tiểu học Đak Krong	Nhà vệ sinh	1.420	1.201	219
77	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La			10.508	9.971	537
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp mở rộng Đường từ Tỉnh lộ 669 đoạn Nhà Văn hóa xã đi cầu Nghĩa An		Thôn Nghĩa An 1	1,4 km	6.079	5.773	306
	Đường từ cầu nghĩa An đi khu sản xuất Tây Sông Ba		Nghĩa An 2	2,4 km	4.429	4.198	231

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
78	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro			13.110	11.063	2.047
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường vào khu sản xuất làng Pyang (Đoạn gần thủy điện Đăk Srông)		Làng Pyang	Đường BTXM, Bm=3m	2.570	2.160	410
	Đường nội làng đi khu sản xuất làng Tpong		Làng Tpông	Đường BTXM, Bm=3m	1.530	1.289	241
	Đường nội làng Tnang		Làng Tnang	Đường BTXM, Bm=3m	610	515	95
	Đường nội làng đi khu sản xuất làng Rong Tnia		Làng Rong Tnia	Đường BTXM, Bm=3m	2.410	2.036	374
	Nội dung 04						
	Điện nông thôn làng Glung		Làng Glung	Điện nông thôn	470	400	70
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường tiểu học Chu Văn An		Làng Ktôh		5.520	4.663	857
79	Xã Krong	UBND Xã Krong			10.187	10.187	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường đi khu sản xuất làng Sing. (Đoạn từ Giáp đường Liên xã, từ nhà ông Nông - Hào đến cầu treo sông Ba và Đoạn sau nhà Văn Hóa làng		Làng Sing	1,1 km	1.980	1.980	
	Đường Đi Khu sản xuất làng Đăk Bok nhà Đàm Hưng		Làng Đăk Bok	1,2 km	2.020	2.020	
	Đường đi khu sản xuất làng Sơ Lam từ đường bê tông đi đập nước Đăk Bok		Làng Sơ Lam	0,65 km	1.040	1.040	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường đi khu sản xuất làng Klếch (xóm Klếch). Ranh giới xã Kbang và xã Krong		Làng Klếch	0,7 km	1.487	1.487	
	Đường Nối tiếp từ cuối đường bê tông đến giáp đất lâm nghiệp (hướng từ nhà ông Đinh Blây đi nhà ông Đinh Juót)		Làng Klur (xóm Klur)	0,25 km	450	450	
	Đường Giáp đường xã đến suối Kpia. Ranh giới xã Kbang và xã Krong		Làng Klếch	0,2 km	360	360	
	Đường đi khu sản xuất làng Vir đi khu sản xuất Mơ Trinh và cánh đồng Đăk Nia làng Sing		Làng Vir	1,5 km	2.850	2.850	
80	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang			10.838	10.299	539
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Công trình đường giao thông nông thôn làng Đôn Hyang (từ làng lên làng Pơ Nang đến trung tâm xã) – 1,1 km		Đôn Hyang	1,1 km	3.479	3.317	162
	Công trình đường nội làng Ar Quát (từ nhà ông Lung đến nhà bà Phốt) – 2,0 km		Ar Quát	2 km	1.920	1.822	98
	Công trình đường Từ nhà ông Anhop đến nhà ông Ayung – 0,8 km		Đak Lah – Tơ Drah	0,8 km	3.169	3.010	159
	Công trình đường Từ nhà ông Blêi đến nhà ông Nay Keo – 0,6 km		Đak Lah – Tơ Drah	0,6 km	1.460	1.381	79
	Công trình đường Từ nhà ông Hngunh đến nhà ông Gôm – 0,7 km		Alao	700 m	810	769	41
81	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang			27.760	20.633	7.127
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường Ama Quang xã Mang Yang (Đoạn từ đường bê tông hiện trạng đến cầu Lam).		Tổ 6	300 m	2.160	1.640	520
	Đường liên thôn từ làng Đăk Yă đến khu dân cư 386 thôn Châu Khê		Làng Đăk Y ă	3500 m	8.510	6.315	2.195
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 04						
	#####		Các làng ĐBDTTS		17.090	12.678	4.412
82	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây			4.971	3.972	999
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp mở rộng đường BTXM từ Trường TH Cát Hưng đến Nhà Võ Ngon		Thôn Mỹ Long	250 m	2.631	2.119	512
	Nội dung 02						
	Kiên cố hoá kênh mương thôn Long Hậu. Tuyến từ Lô 31 đến mương 3 huyện		Long Hậu	0,7 km	1.200	952	248
	Kiên cố hoá kênh mương BTXM nội đồng; Tuyến từ lô Ông Trứ - Mương thứ 5		Thôn Hội Lộc	0,4 km	470	371	99
	Kiên cố hoá kênh mương BTXM nội đồng; Tuyến kênh từ nhà Nguyễn Hữu Nghệ - nhà ông Nải		Thôn Lộc Khánh	0,6 km	670	530	140
83	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu			13.017	13.017	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp các tuyến đường BTXM và các tuyến ngõ hẻm trên địa bàn xã		Toàn xã	10 km	8.517	8.517	
	Nội dung thành phần 03						
	Nội dung 06						
	Xây dựng hạ tầng điểm du lịch cộng đồng Không gian ký ức làng chài Cù Lao Xanh		Toàn xã		4.500	4.500	
84	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát			4.640	2.905	1.735
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	BTXM thôn An Hành Tây (đoạn từ miếu An Lộc đến giáp nhà ông Đinh Văn Vương; đoạn từ nhà ông Đinh Văn Nhị đến giáp Cát Tân; đoạn từ nhà ông Châu Văn Khánh đến nhà ông Phan Văn Phùng;		Thôn An Hành Tây	Đoạn tôn hiện trạng Đ-5	2.460	1.551	909
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương, tuyến từ mương cấp 1 Suối Chay đến Đồng gò U, Gò Mạ		Thôn An Đức		2.180	1.354	826
85	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ			7.788	5.149	2.639
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 01						
	Thâm nhựt tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ QL1A đến đường Lê Lợi)		An Lạc Đông 1	Nâng cấp,	4.609	3.055	1.554
	Thâm nhựt phần còn lại tuyến đường đường 2 tháng 9 đến hết đường Biên Cương		An Lạc Đông 1	Nâng cấp, đường	3.179	2.094	1.085
86	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc			4.569	3.710	859
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp mở rộng BTXM từ ngã 3 Vạn Định đến cầu đập Quí Vạn Định		Vạn Định	1 km	1.870	1.515	355
	BTXM từ cầu bà Lụa đi Cừu An		Cừu Thành	1,5 km	2.699	2.195	504
87	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông			6.400	5.190	1.210
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường từ ngã ba Triều Cường (nhà ông Tâm) đi đến giáp đường ĐT 639 cạnh công ty Biển Xanh		Tân Phụng 1	1,2 km	4.420	3.581	839
	Mở rộng tuyến đường BTXM từ Cầu Sắt đến giáp xã Mỹ An (Toàn tuyến)		Thôn 4	1,2 km	1.980	1.609	371

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
88	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam			6.868	5.563	1.305
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Sửa chữa tuyến đường BTXM từ nhà ông Toàn đến đường sắt và nhánh rẽ thôn Trà Bình Tây		Thôn Trà Bình Tây	0,95 km	2.229	1.804	425
	Sửa chữa, mở rộng Tuyến đường từ thôn Tú Dương, xã Phù Mỹ Nam đi xã Phù Mỹ (Mỹ Quang cũ)		Thôn Tú Dương	1,8 km	4.639	3.759	880
89	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây			4.780	3.879	901
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường bê tông từ nhà ông Thảo xóm 3 đến nhà ông Ninh xóm 16		Hội Phú	1 km	2.900	2.354	546
	Nội dung 02						
	KCH kênh mương Ao Bình đến Cản đồng sau		Phước Thọ	1 km	1.170	951	219
	KCH kênh mương đồng Đình (từ ruộng bà Lệ đến sau nhà Vinh)		Trình Văn Bắc	0,61 km	710	574	136
90	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú Thiện			8.261	6.127	2.134
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tên tuyến: Đường ngõ xóm thôn Plei Tel B (cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thôn hư hỏng, xuống cấp, chưa được bê tông hóa)		Thôn Plei Tel B	Đường cấp A, chiều dài	1.810	1.345	465
	Tên tuyến: Đường ngõ xóm tổ dân phố 12 (cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thôn hư hỏng, xuống cấp, chưa được bê tông hóa)		Tổ dân phố 12	Đường cấp A, chiều dài	2.050	1.522	528
	Tên tuyến: Đường ngõ xóm thôn Plei Kram (cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thôn hư hỏng, xuống cấp, chưa được bê tông hóa)		Thôn Plei Kram	Đường cấp A, chiều dài	1.840	1.362	478

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường MN Hoa Phong Lan, xã Phú Thiện		TDP 2		2.561	1.898	663
91	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc			10.240	7.614	2.626
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Ia Mlah; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Ia Mlah	1,15 km	1.800	1.351	449
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Chư Ngọc; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Chư Ngọc	1,2 km	1.810	1.344	466
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Chư Ung; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Chư Ung	1,1 km	1.770	1.312	458
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Thành Công; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Thành Công	0,96 km	1.480	1.096	384
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Ia Mlah (từ khu vực suối Xu đến kênh mương chính Thủy lợi)		Buôn Prong	0,95 km	3.380	2.511	869
92	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó			13.260	11.210	2.050
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ Quốc lộ Trường Sơn Đông (đoạn nhà văn hóa thôn Bình Tây cũ) ra khu sản xuất thôn Bình Tây		Thôn Bình Tây	Đường BTXM chiều dài 1,1 km	2.480	2.107	373
	Nội dung 10						
	Hệ Thống cấp nước thôn Bì Gia		Thôn Bì Gia	80 hộ dân	2.820	2.387	433
	Hợp phần thứ hai						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường TH và THCS Đình Núp, xã Pờ Tó		Thôn Bi Giồng	Nhà học 4 phòng; Nhà học bộ môn 6 phòng	7.960	6.716	1.244
93	Xã Sơn Lang	UBND xã Sơn Lang			16.250	15.457	793
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường liên thôn làng Đăk Tơ Nglông - Hà Lâm-đường nội làng Hà Lâm (ĐX.425); hạng mục: Nâng cấp, mở rộng, Sửa chữa mặt đường BTXM đoạn làng Hà Lâm từ đường TSD đến ngã ba, đường nội làng Hà Lâm		Làng Hà Lâm	2 km	10.050	9.580	470
	Nâng cấp, mở rộng đường làng Hà Nùng đoạn từ đường Trường Sơn Đông đến nhà ông Đình Văn Du (ĐX.421B)		Làng Hà Nùng	1,45 km	6.200	5.877	323
94	Xã SRó	UBND Xã SRó			9.100	9.100	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông ra khu sản xuất làng Quel (Đoạn trước nhà bà Lệ BTXM hiện trạng nối tiếp đến khu sản xuất)		Làng Quel	0,7 km	2.700	2.700	
	Đường ra khu sản xuất làng Nhang lớn (đoạn từ đường ra khu sản xuất nối tiếp		Làng Nhang lớn		1.700	1.700	
	Đường ra khu sản xuất làng Htiên11 (Đoạn đường nhà ông Nguyễn Tấn tiến ra khu sản xuất nối tiếp đường BTXM hiện hữu đến bờ sông)		Làng Htiên	L=0,5km	1.800	1.800	
	Đường ra khu sản xuất làng Bờ ya (đoạn nối tiếp Đường BTXM hiện trạng đến suối)		Làng Bờ Ya	L= 0,8km	2.900	2.900	
95	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn			7.010	4.639	2.371
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường công làng văn hóa thôn Lai Nghi giáp đường ĐT636		Thôn Lai Nghi	1400 m	2.530	1.676	854
	Sửa chữa, thăm bê tông nhựa tuyến đường từ ông Nguyễn Văn Thơm đến ngã 4 nhà ông bé		Khối 1A	800 m	1.590	1.050	540
	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng từ trụ sở thôn Lai Nghi ra ĐT.636		Thôn Lai Nghi	1,8 km	1.070	711	359
	Nội dung 10						
	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước tự chảy làng Cam		Thôn Đồng Sim	Sửa chữa, nâng cấp tuyến cấp nước	1.820	1.202	618
96	Xã Tơ Tung	UBND Xã Tơ Tung			8.350	7.956	394
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường làng Đồng Tâm tuyến từ nhà ông Dương đi Nghĩa địa làng		Làng Đồng Tâm	1000 m	1.210	1.180	30
	Đường làng Đăk Pơ Kao từ nhà ông Dring đến Cây đa		Làng Đăk Pơ Kao	1400 m	1.260	1.198	62
	Đường làng Sơ Tơ từ ngã ba làng đến Dốc đá		Làng Sơ Tơ	600 m	830	787	43
	Đường làng Tung (cũ) từ đỉnh dốc đá đến giáp đường BTXM và đoạn đầu làng		Làng Kuk Tung	300 m	390	373	17
	Đường làng Klếch từ rẫy ông Thor đến rẫy bà Thành		Làng Klếch	1300 m	1.740	1.654	86
	Đường làng Đồng Tâm tuyến từ nhà Linh Trang đến làng Leng I (cũ)		Làng Đồng Tâm	780 m	1.150	1.090	60
	Đường từ nhà ông Nghi làng Pơ Ngăl đến giáp đường BTXM khu dân cư Suối lơ làng Cao Sơn		Làng Cao Sơn, làng Pơ Ngăl	800 m	1.140	1.079	61
	Đường làng Pơ Ngăl từ nhà bà sáu Tích đến đường đi xã Đăk Hlơ (cũ)		Làng Pơ Ngăl	470 m	630	595	35
97	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc			5.263	4.191	1.072

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 02						
	KCH tuyến từ Kênh N4 thôn Đại Lễ đến tổ 1 thôn Luật Chánh		Thôn Đại Lễ	0,35 km	440	353	87
	KCHKM đoạn từ cuối N1-2 đến gò thơm thôn Giang Bắc		Thôn Giang Bắc	0,55 km	670	536	134
	KCHKM tuyến từ Kênh N1-2 đến đám Nghẹo thôn Giang Bắc		Thôn Giang Bắc	0,2 km	270	215	55
	KCHKM tuyến từ Bê tông X17- Cầu Ông voi X18 thôn Nho Lâm		Thôn Nho Lâm	0,8 km	901	719	182
	KCHKM tuyến từ Ngã Hai ruộng Hầm giáp Tân Căng Làng thôn Lộc Ngãi		Thôn Lộc Ngãi	0,6 km	750	596	154
	KCH KM đoạn từ mương đằm đầu Rộc đến nhà 6 Ngõ thôn Lương Lộc		Thôn Lương Lộc	0,76 km	861	686	175
	KCHKM tuyến từ mương Bầu vào Tăng sản thôn Định Thiện Tây		Thôn Định Thiện Tây	0,3 km	390	307	83
	KCHKM tuyến từ Kênh S đến giáp Rộc ông Hậu		Thôn Định Thiện Tây	0,9 km	981	779	202
98	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông			5.110	3.536	1.574
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường bê tông từ Nhà văn hóa thôn đến xóm Huỳnh Sa (nhà ông Nguyễn Văn Năm)		Thôn Huỳnh Sa		3.640	2.570	1.070
	BTXM đường thôn, ngõ, xóm xã Tuy Phước Đông: - Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 639 đến cổng chào thôn Huỳnh Giản Bắc - Tuyến đường từ nhà ông Tám đến nhà ông Hòa - Tuyến đường từ đập Cát đến bờ tràn bà Dư - Tuyến đường từ nhà ông Bảo đến nhà bà Vân			1198 m	1.470	966	504
99	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây			4.950	3.397	1.553

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thanh,				500	351	149
	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỷ đến Cầu Giáp Sờ, thôn Ngọc Thanh,				820	561	259
	Nâng cấp, mở rộng cầu Mương Tháo, thôn Thanh Huy.				980	672	308
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Ngõ Bắng đến công chào Quy Hội.				1.550	1.062	488
	Nội dung 02						
	KCHKM tuyến từ ngõ Sơn - hàng rào bụi tre Thanh Huy				550	376	174
	KCH KM Từ ruộng 2 Sanh giáp ruộng 3 Tấn, ruộng 8 Nhơn giáp mương lớn				550	375	175
100	Xã Uar	UBND Xã Uar			6.824	5.834	990
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GTNT buôn Choanh, xã Uar (Đoạn từ nhà bà Nay H' Nhum đến Trạm y tế thôn Thanh Bình)		Buôn Choanh	1,7 km	4.090	3.468	622
	Đường GTNT buôn Choanh, xã Uar (Đoạn từ nhà ông Nay Chiên đến cánh đồng)		Buôn Choanh	0,3 km	579	485	94
	Đường GTNT thôn An Bình, xã Uar (Đoạn từ đường Trường Sơn Đông đến đường bê tông đã đầu tư)		Thôn An Bình	0,18 km	609	512	97
	Đường GTNT buôn Ngól, xã Uar (Đoạn từ nhà Rah Lan Nhót đến nhà Ksor Ruên)		Buôn Ngól	0,2 km	379	317	62
	Đường GTNT thôn Hưng Phú, xã Uar (Đoạn từ nhà ông Khuê đến nhà ông Tuệ)		Thôn Hưng Phú	0,35 km	749	634	115
	Đường GTNT thôn Quỳnh Phú, xã Uar (Đoạn từ nhà ông Nhường đến nhà ông Chiến)		Thôn Quỳnh Phú	0,15 km	418	418	
101	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh			15.090	12.780	2.310
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Trường Tiểu học Vân Canh - cơ sở 2 (Hạng mục: xây mới 01 phòng học khoa học công nghệ, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng tư vấn học đường, 01 phòng y tế học đường, 01 phòng đội, 01 phòng bảo vệ, 02 nhà kho và các hạng mục khác)		Xã Vân Canh		5.430	4.616	814
	Cầu đầu làng Canh Giao		Xã Vân Canh		9.660	8.164	1.496
102	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức			5.618	5.335	283
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	Sửa chữa, khắc phục ngập úng đoạn đường đầu cầu bà Cương		Thôn Vạn Hội 1		700	674	26
	Nâng cấp BTXM tuyến đường Đồng Quang, thôn Thanh Lương		Thanh Lương		2.229	2.113	116
	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ nhà Tài đến chòm nhá		Thôn 3		2.689	2.548	141
103	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang			7.990	7.604	386
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp đường từ ĐT 637 đến soi Giềng (Sân vận động xã)		Thôn Định Thái	1 km	1.810	1.751	59
	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng từ ĐT 637 đến nhà ông Gương, ông Hùng, ông Nền; từ nhà ông Hùng đến nhà ông Quế; từ nhà bà Lạc đến nhà ông Sơn thôn Định Thái		Thôn Định Thái	2 km	3.110	2.947	163
	Nội dung 02						
	Bê tông xi măng kênh mương đồng Lò Ổ, từ cây Duối đến giáp ĐT 637 thôn Định Xuân		Thôn Định Xuân	0,8km	780	740	40
	Bê tông xi măng kênh mương đồng trên tổ 6 và đồng tổ 7 thôn Định Trung		Thôn Định Trung	1,5km	1.330	1.261	69

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Bê tông xi măng kênh mương từ cuối làng 6 đến trước nhà văn hóa làng 3, từ sau nhà bà Hút và sau nhà ông Đình Ưông làng 5, từ suối nước Bon đến ruộng Đình Bĩa, từ rẫy Bá Trận đến ruộng Bá Ru làng 6		Làng 6	1,2km	960	905	55
104	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh			7.411	6.130	1.281
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02:						
	Nội dung 1						
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM thôn Định Bình		Định Bình	1,7 km	4.281	3.552	729
	Đường BTXM thôn Định Nhất, Định Tam		Nhất, Định Tam	0,6 km	930	770	160
	Nội dung số 10						
	Hệ thống cấp nước sạch các thôn		Xã Vĩnh Thạnh	10 km	2.200	1.808	392
105	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn			7.867	7.867	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	BTXM đường từ nhà Mí Ly đến Nà Bók Thiên thôn K6		Thôn K6		1.350	1.350	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn O3 (từ nhà bà Đình Thị ALiếc đến giáp nhà ông Đình Phiêu)		Thôn O3		1.217	1.217	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn K8 (từ nhà ông Đình Cư đến nhà bà Đình Thị Nghe)		Thôn K8		2.300	2.300	
	Nâng cấp, sửa chữa nội bộ đường GTNT thôn Suối Cát (đường nội bộ)		Thôn Suối Cát		1.500	1.500	
	BTXM đường thôn Suối đá (giáp trực đường thôn đến khu sản xuất Ruộng Toah)		Thôn Suối Đá		1.500	1.500	
106	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh			9.660	9.179	481
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Vĩnh Thái		Vĩnh Thái	1,8 km	1.310	1.259	51
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Tà Lék		Tà Lék	1,5 km	2.150	2.035	115

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn Vĩnh Hòa - Vĩnh Trường		Vĩnh Hòa, Vĩnh Trường	1,2 km	1.350	1.282	68
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn Vĩnh Định		Vĩnh Định	3,2 km	1.970	1.870	100
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Vĩnh Khương		Vĩnh Khương	1,8 km	2.880	2.733	147
107	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An			5.270	4.284	986
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM GTNT thôn Đại Hào; Tuyến 1: Từ nhà bà Nguyễn Thị Dữ đến nhà bà Lương Thị Hiếu và Tuyến 2: Từ ngã 3 nhà ông Nguyễn Quốc Dũng đến nhà bà Nguyễn Thị Trâm		Thôn Đại Hào	343 m	620	514	106
	Đường BTXM GTNT thôn Đại Ân; Tuyến 1: Từ nhà bà Nguyễn Thị Dư đến giáp hồ Hồ Dội và Tuyến 2: Từ cổng chùa Linh Sơn đến giáp nghĩa địa Cây Xay		Thôn Đại Ân	1045 m	1.460	1.180	280
	Đường BTXM GTNT thôn Chánh Nhơn; Tuyến đường từ nhà ông Bàn đến nhà bà Phùng Thị Thâm		Thôn Chánh Nhơn	475 m	800	651	149
	Nội dung 06						
	Cải tạo, nâng cấp chợ Suối Tre		Thôn Xuân An		2.390	1.939	451
108	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội			7.560	6.393	1.167
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	Đường trục chính nội đồng làng Đêchơgang (Đoạn từ hòn đá ông Nhạc đi đường xã ĐX.477)			1,5 km	1.930	1.628	302
	Đường trục thôn từ nhà ông Đinh Ríp theo đường QH đến đường xã Ya Hội			0,5 km	1.360	1.152	208
	Nội dung 10						
	Công trình cấp nước sạch tập trung tại các làng khó khăn về nguồn nước xã Ya Hội		Xã Ya Hội	Giếng khoan, tàu kéo	2.360	1.997	363
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Trường TH&THCS Phan Bội Châu (Điểm trường làng Đê Chơ Gang), xã Ya Hội		Làng Đê Chơ Gang, xã Ya Hội	Xây mới 02 Phòng học	1.910	1.616	294
109	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma			8.510	8.114	396
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng Hưnh Đăk (nối đoạn đang thi công về làng Húp)		Làng Hưnh Đăk	1,2 km	2.020	1.972	48
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng Húp (đoạn nối về làng Hưnh Đăk)		Làng Húp	1,2 km	1.960	1.853	107
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng TNùng 1 (Nối tiếp đoạn đường bê tông hiện trạng)		Làng TNùng 1	1,1 km	1.880	1.778	102
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng Đăk Hway		Làng Đăk Hway	0,55 km	930	885	45
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường thôn 01 (Nhánh 2 Năm Hạng)		Thôn 01	1 km	1.720	1.626	94

Ghi chú: - Nguồn vốn trung ương phân bổ cho các đơn vị, địa phương như trên là ở mức tối đa; trường hợp đơn vị, địa phương phê duyệt, sử dụng trợ, đơn vị, địa phương có trách nhiệm cân đối, bố trí ngân sách địa phương và nguồn vốn khác thực hiện;

- Quy mô, tổng mức đầu tư các dự án khởi công mới nêu trên chỉ ở bước ước tính sơ bộ, trong quá trình triển khai thực hiện dự án đề nghị đơn thực địa, rà soát, xác định quy mô đầu tư, suất đầu tư cho phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa pl tránh nợ đọng, lãng phí theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- UBND cấp xã có trách nhiệm cân đối, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương tối thiểu theo mức như trên.

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII KỲ HỌP THƯỜNG LỆ GIỮA NĂM 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc

gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-BDT ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Đối với vốn đầu tư: Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh là **630.187 triệu đồng**, trong đó: vốn ngân sách Trung ương: 325.280 triệu đồng đã giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ và vốn ngân sách tỉnh theo quy định là 304.907 triệu đồng, đề xuất phân bổ đối ứng cho các xã chi tiết theo **Phụ lục đính kèm**.

2. Đối với vốn sự nghiệp: Kinh phí sự nghiệp nguồn năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh là

254.497,5 triệu đồng, trong đó, vốn ngân sách Trung ương: 113.110 triệu đồng đã giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ và vốn đối ứng ngân sách tỉnh theo quy định 125% so với ngân sách Trung ương là 141.387,5 triệu đồng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XIII, kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Phụ lục:
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính:

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	TỔNG CỘNG				1,025,964	882,597	174,752
I	PHÂN BỐ CHO CÁC SỞ, NGÀNH						
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			2,900	2,900	
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 06						
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu		Thôn 1, xã An Toàn		2,900	2,900	
2	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ			5,000	5,000	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 04						
	Nội dung 04						
	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh				5,000	5,000	
3	Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai	Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai			32,100	32,100	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 04						
	Nội dung 03						
	Đầu tư cải tạo, sửa chữa, trang bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trang thiết bị đào tạo, mô hình, các phần mềm: quản trị, quản lý, đào tạo, mô phỏng, giải phẫu sinh lý; phần cứng (thiết bị tin học)				32,100	32,100	
II	PHÂN BỐ CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG						
II.1	Các phường						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
1	Phường An Bình	UBND phường An Bình			4,000	2,000	2,000
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường xã 467 (Đường liên thôn Tân Hiệp đi Tư Lương (trước đây)		TDP Tân Hiệp, TDP Tân Phong, TDP Tân Hội, TDP Tư Lương	L=2,015km	4,000	2,000	2,000
2	Phường An Khê	UBND phường An Khê			2,002	598	1,404
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường hẻm 33 Nguyễn Lữ và Hẻm 65/7/6 Lý Thái Tổ, TDP 7 Tây Sơn		TDP 7 Tây Sơn		142	42	100
	Đường hẻm Nguyễn Trung Trực và Đường hẻm 855 Quang Trung (hẻm phụ 855/1 bên phải nổi dài), TDP 2 An Phú		TDP 2 An Phú		300	90	210
	Đường hẻm 401 Hoàng Hoa Thám (TDP 1 An Tân)		TDP 1 An Tân		255	77	178
	Đường hẻm 221 Ya Đố (hẻm phụ 1, 2), TDP 1 Ngô Mỹ		TDP 1 Ngô Mỹ		529	156	373
	Đường hẻm từ nhà ông Sang đến nhà ông Dương (TDP 5 Thành An)		TDP 5 Thành An		220	66	154
	Đường hẻm từ nhà ông Dũng đến nhà ông Ngọc (nổi dài), TDP 3 Thành An		TDP 3 Thành An		80	24	56
	Đường hẻm 09 Ngô Văn Sở (Tổ 15 An Phú)		TDP 15 An Phú		50	15	35
	Đường hẻm từ nhà ông Lương đến cầu liên tổ 2-6 (TDP 6 Thành An)		TDP 6 Thành An		165	50	115
	Đường từ UBND xã Thành An cũ đi nhà máy đường (TDP 1, 2 Thành An)		TDP 1, 2 Thành An	Đổ mặt đường BTXM đá 2x4 M250	261	78	183

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
3	Phường An Phú	UBND phường An Phú			2,192	880	1,312
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 1						
	Công trình: Đường từ nhà ông MLut đến ông Y Khit		Làng Mơ Nú	Chiều dài khoảng 605m	900	360	540
	Công trình: Đường từ ngã 3 nhà yến đến cuối làng		Làng Chuet Ngol	Chiều dài 275m	500	200	300
	Từ đường bê tông Ia nhek đến đường nhựa Lý Chính Thắng		Làng Do Quăh	Đường Bê tông xi măng mặt 3,5m M250 đá 2x4, dày 20cm, L=450m	792	320	472
4	Phường Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa			2,726	1,350	1,376
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Đường hẻm 253 đường Trần Hưng Đạo		TDP 16, phường Ayun Pa	L=133,5m; Loại đường B	485	250	235
	Đường hẻm Trần Hưng Đạo (Từ Gas Ngọc Châu đến đường Võ Thị Sáu)		TDP 16, 17, phường Ayun Pa	L=56m; Loại đường C	151	90	61
	Đường hẻm số 1 đường Bà Triệu		TDP 9, phường Ayun Pa	L=173,5m; Loại đường B	700	335	365
	Đường hẻm số 2 đường Bà Triệu		TDP 9, 10, phường Ayun Pa	L=250m; Loại đường B	940	450	490
	Nội dung 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Kiên cố hóa Kênh mương 25C		TDP 1, phường Ayun Pa	L= 300m; Kênh BTCT đá 1x2 M200, (BXH)=(40x60)cm, Dày 8cm	450	225	225
5	Phường Diên Hồng	UBND phường Diên Hồng			12,000	3,600	8,400
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						
	Xây dựng nhà Rông Thôn PleikuRoh		Thôn Pleiku roh	diện tích 83m2	12,000	3,600	8,400
6	Phường Hội Phú	UBND phường Hội Phú			5,700	1,710	3,990
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 02						
	Cấp nước cho các làng đồng bào				5,700	1,710	3,990
7	Phường Pleiku	UBND phường Pleiku			2,686	780	1,906
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tên tuyến: Từ nhà Ông Mlik đến Ông Milch		Làng Ôp- Phường Pleiku	Chiều dài tuyến 91 mét	350	100	250
	Tên tuyến: Từ nhà Bà H'thă đến ông Phel		Làng Ôp- Phường Pleiku	Chiều dài tuyến 350 mét	1,336	380	956
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Quy hoạch, bố trí cảnh quang khu vực nhà mồ tạo điểm tham quan, giới thiệu văn hóa tâm linh của người Jrai tại làng Óp		Làng Óp- Phường Pleiku	Đề án “Xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng tại Plei Óp, phường Pleiku”	1,000	300	700
8	Phường Thống Nhất	UBND phường Thống Nhất			2,737	822	1,915
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường hẻm 51C Trần Nguyên Hãn		Làng Kép	L= 327m	600	180	420
	Tuyến đường hẻm 49/2 Trần Nguyên Hãn và Hẻm 591 Phạm Văn Đồng		Làng Kép	L = 288 m	500	150	350
	Đường hẻm 19 Trần Nguyên Hãn		Làng Kép	L= 101m	150	45	105
	Đường hẻm 19 Nguyễn Thị Định		Làng Kép	L= 195m	250	75	175
	Hẻm 215 Võ Văn Kiệt		Làng Bruk Ngol	L= 389m	592	178	414
	Hẻm 522 Võ Văn Kiệt		Làng Bruk Ngol	L= 373m	645	194	451
II.2 Các xã							
1	Xã Al Bá	UBND Xã Al Bá			7,900	7,652	248
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Làm mới đường liên thôn Tứ Kỳ Nam đi Tứ Kỳ Bắc (Ông Huỳnh Công Phụng đến Ông Nguyễn Thái Cường		Thôn Tứ Kỳ Nam đi Tứ Kỳ Bắc		1,760	1,710	50
	Làm mới đường ngõ xóm Thôn Tứ Kỳ Bắc: đoạn từ nhà Ông Huỳnh Quốc Thảo - Nguyễn Thành Phong; Ông Nguyễn Văn việt - Huỳnh Văn Bình; Ông Nguyễn Văn Chiến - Nguyễn Thành Viên		Thôn Tứ Kỳ Bắc		1,450	1,408	42
	Làm mới đường ngõ xóm Bắc làng Chư Ruồi Sul		Làng Chư Ruồi Sul		4,000	3,882	118

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Làm mới đường ngõ xóm làng Ia Hbông (nhà Kpuih Xoa - Kpuih Hyep)		Làng Ia Hbông		690	652	38
2	Xã Ân Hào	UBND Xã Ân Hào			9,500	8,200	1,300
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường Cụm công nghiệp Gò Bông		Xã Ân Hào	466,92 m	3,500	3,200	300
	Nội dung 02						
	Kênh tiêu thoát lũ Vạn Hoà		Xã Ân Hào	670 m	6,000	5,000	1,000
3	Xã An Hòa	UBND Xã An Hòa			5,500	4,587	913
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 2						
	Nội dung 1						
	Xây dựng các tuyến đường Thôn Trà cong		Trà Cong	Đường loại B	3,000	2,504	496
	Xây dựng các tuyến đường Thôn Vạn Xuân		Vạn Xuân	Đường loại A; B	2,500	2,083	417
4	Xã An Lão	UBND Xã An Lão			6,644	5,749	895
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ ruộng đồng vố Mới đến giáp đường mòn Hóc Miên		Thôn 6	BTGT NT loại A; Bn=9m; Bm=5,5m	550	458	92
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Gò Búi		Thôn Gò Búi	BTGT NT loại A; Bm=5,5m	944	834	110
	Đường kết nối thôn Gò Búi đến thôn Hưng Nhơn		Thôn Gò Búi- Thôn Hưng Nhơn	BTGT NT loại A; Bm=5,5m; Cầu bản	600	500	100
	Xây dựng mới cầu Bờ Trâm		Thôn Thuận An	6 m	1,650	1,457	193
	Tuyến đường nội đồng thôn Hòa Bình		Thôn Hòa Bình	BTGT NT loại B; Bm=3,0m	300	250	50
	Tuyến đường nội bộ khu giãn dân thôn Hòa Bình		Thôn Hòa Bình	BTGT NT loại A; Bm=5,5m	600	500	100
	Nội dung 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nâng cấp kênh mương nội đồng Thuận An - Thuận Hòa		Thôn Thuận An - Thuận Hòa	2 km	1,200	1,083	117
	Sửa chữa nâng cấp tuyến kênh mương Suối Le		Thôn Hòa Bình	1 km	300	250	50
	Nâng cấp đập Thuận Hòa		Thôn Thuận Hòa	Đập dâng trọng lực bằng bê tông, cửa phai thép	500	417	83
5	Xã An Lương	UBND Xã An Lương			4,800	3,872	928
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	BTXM đoạn đường từ ĐT.639 đến nhà ông Sơn; kết hợp sửa chữa, mở rộng cầu đội 5 qua sông Lạch Mới		Xuân Bình Bắc	Bê tông hóa mặt đường, kết hợp sửa chữa, mở rộng cầu dân sinh	1,650	1,292	358
	Sửa chữa, mở rộng đoạn đường từ ĐT.639 đến bảng thông tin tuyên truyền		An Xuyên 3	Nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa mặt đường	3,150	2,580	570
6	Xã An Nhơn Tây	UBND Xã An Nhơn Tây			5,475	4,000	1,475
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Tuyến đường xóm Phúc Hậu từ nhà ông Hà Vĩnh Thạch đến đồng Phúc Hậu (ĐĐ: nhà ông Hà Vĩnh Thạch - ĐC: cánh đồng Phúc Hậu)		Thôn Nam Tượng 3		450	308	142
	Tuyến đường từ kênh N2 đến nhà ông Bùi Ngọc Bích Phương (ĐĐ: đường bê tông xóm Hòn Tượng A - ĐC: nhà ông Bùi Ngọc Bích Phương)		Thôn Thọ Tân Bắc		400	205	195
	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến đường rẽ nhà ông Phạm Văn Trị (ĐĐ: đường bê tông- ĐC: nhà ông Phạm Văn Trị)		Thôn Thọ Tân Nam		1,200	923	277
	Tuyến từ bê tông Hóc Cùng đến nhà ông Huỳnh Kim Nhân (ĐĐ: đường bê tông- ĐC: nhà ông Huỳnh Kim Nhân)		Thôn Thọ Tân Nam		200	123	77

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Bê tông xi măng từ Bờ Đập Thò Đo đến Gò Cồn (ĐĐ: Đập Thò Đo - ĐC: Gò Cồn)		Thôn Đông Lâm	581 m	800	596	204
	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ ngã 3 Hóc Cùm đến nhà ông Nguyễn Văn Phổ (ĐĐ: ngã 3 Hóc Cùm - ĐC: nhà ông Nguyễn Văn Phổ)		Thọ Tân Nam	L= 1000m, kết cấu Bê tông xi măng	1,425	1,084	341
	Nội dung 2						
	Tuyến kênh mương Gò xương, bờ hàng, đầu hải đến kho 4 (ĐĐ: Mương Gò xương, bờ hàng, ĐC: mương đầu hải đến kho 4)		Trường Cửu - An Thành	369 m	500	378	122
	Tuyến kênh mương Miếu tổ 7 (ĐĐ: Giáp đường Bê tông, ĐC: Ngõ nhà Bùi Thị Bận)		An Thành	373 m	500	383	117
7	Xã An Toàn	UBND Xã An Toàn			11,133	11,133	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 1						
	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ dốc ông Lắm đến thôn Nước Ron			Nâng cấp, mở rộng nền mặt đường, cầu bản, hệ thống thoát nước,...	4,133	4,133	
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần số 1						
	Nội dung 6						
	Hạ tầng kỹ thuật khu giãn dân Thôn Nước Ron, thôn Nước Lương			Xây dựng cơ sở hạ tầng: San nền, hệ thống điện, thoát nước, cấp nước, đường,...	7,000	7,000	
8	Xã Ân Tường	UBND Xã Ân Tường			10,100	8,584	1,516
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Tên tuyến: Nâng cấp, mở rộng đường BTXM ĐT 630 - Hương Quang Ân Nghĩa (Phú Hữu 1)		Thôn Phú Hữu 1	Bê tông nền mặt đường	6,600	5,667	933

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tên tuyến: Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Tuyến từ trạm bơm Xuân Sơn đi khu tưởng niệm chiến thắng đồi Xuân Sơn		Thôn Xuân Sơn	Bê tông nền mặt đường	3,500	2,917	583
9	Xã An Vinh	UBND Xã An Vinh			13,067	13,067	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 2						
	Nội dung 1						
	Đường giao thông từ chân đập Hồ Đồng Mít đến Thôn 1; Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước		Thôn 1		6,867	6,867	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên thôn từ Thôn 5 đi Thôn 6		Thôn 5, Thôn 6		6,200	6,200	
10	Xã Ayun	UBND Xã Ayun			15,030	14,252	778
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 1						
	Cải tạo, Nâng cấp công trình Đường nội làng Plei Atur: Đoạn từ nhà ông Luk đến nhà ông Kok. Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.		Làng Plei Atur	1200 m	1,750	1,700	50
	Nâng cấp cải tạo nâng cấp công trình đường nội làng Plei Atur từ trường tiểu học Ayun số 2 tới cầu Bngoh		Làng Plei Atur	1000 m	1,600	1,521	79
	Đường BTXM trục đường trục thôn nội làng Kon Brung hạng mục nền, mặt đường và công trình thoát nước, đoạn đường từ nhà ông Đôh đến nhà ông Hê, tổng chiều dài L=200 m; Từ nhà ông Proh đến nhà ông Mỡ tổng chiều dài 140m, từ nhà ông Đim đến nhà ông Phyet dài 150m, từ nhà ông Alep đến nhà ông Gar dài 210m		Làng Kon Brung	250 m	900	850	50
	Nội dung 10						
	Sửa chữa, nâng cấp 4 công trình cấp nước tập trung tự chảy ở làng Hiêr và Đê Kjêng, Plei Atur, Kon Brung				4,800	4,533	267
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 06						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nghĩa trang (cổng, tường rào, sân bê tông, phân lô khu chôn cất, nhà linh, đường bê tông nội bộ, hệ thống chiếu sáng)		Thôn 1		5,980	5,648	332
11	Xã Bàu Cạn	UBND Xã Bàu Cạn			7,600	6,899	701
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung số 1						
	Đường GTNT thôn Đoàn Kết (nhánh 01 từ tỉnh lộ 663 giáp Trụ sở Đảng ủy đến đường nhựa cũ dài 195m, nhánh 02 từ sau Trụ sở Đảng ủy xã đến đường bê tông cũ dài 282m)		Thôn Đoàn Kết	0,477km	1,200	1,000	200
	Đường GTNT thôn 6 (nhánh 01 từ nhà ông Đoàn đến nhà ông Kel dài 310m, nhánh 02 từ nhà Suit đến nhà Xip dài 400m, nhánh 3 từ Hội trường thôn đến nhà H' Blong dài 150m)		Thôn 6	0,86 km	1,700	1,566	134
	Đường GTNT thôn 7 (nhánh 01 từ nhà ông Kpă Bóp đến nhà ông Rơ Lan Chi dài 250m, nhánh 02 từ nhà ông Lê Văn Diễm đến nhà ông Rơ Mah Nhét dài 250m, nhánh 03 từ nhà ông Rơ Mah Sur đến nhà ông Puih Yơm dài 150m)		Thôn 7	0,65 km	1,300	1,250	50
	Đường GTNT làng Bàng (nhánh 01 từ nhà ông Thu đến nhà ông Vũ dài 365 m, nhánh 02 từ nhà ông Kim đến nhà ông Dong dài 485m)		Làng Bàng	0,85 km	1,600	1,500	100
	Đường GTNT thôn 5 (nhánh 01 từ nhà bà Rơ Lan Nghếch đến đất rẫy ông Vĩnh dài 150m, nhánh 02 từ nhà bà Rơ Mah Thon đến Nghĩa trang thôn 170m)		Thôn 5	0,32 km	700	583	117
	Đường GTNT thôn 6 từ nhà Djep đến nhà ông Thự		Thôn 6	0,5 km	1,100	1,000	100
12	Xã Biển Hồ	UBND Xã Biển Hồ			7,820	5,968	1,852
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 1						
	Đường giao thông nông thôn làng Weh: Điểm đầu từ sân bóng đến điểm cuối nhà bà Ngler làng Chúp		Làng Weh	1300 m	1,750	1,300	450
	Đường giao thông nông thôn làng Rìng Rai từ nhà ông Hmơ đến nhà ông Yúi		Làng Rìng Rai, xã Biển Hồ	1200 m	1,370	1,057	313

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông nông thôn làng Bông từ nhà ông Hmet đến nhà ông Leh và từ tỉnh lộ 671 tới sân bóng làng Bông		Làng Bông	920 m	1,200	867	333
	Đường giao thông nông thôn làng Ia Mút từ nhà ông Hmiu đến nhà ông Djul		Làng Ia Mút	900 m	1,000	794	206
	Đường giao thông nông thôn làng Hol từ dốc Ia Mút đến nhà ông Phiên		Làng Hol, xã Biển Hồ	1200 m	1,400	1,083	317
	Đường giao thông nông thôn làng Ia Mút từ nhà ông Klin đến nhà ông Lê Xuân Lưu		Làng Ia Mút	1000 m	1,100	867	233
13	Xã Bình An	UBND Xã Bình An			6,509	5,231	1,278
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 1						
	Đường ĐH28 đi Trạm bơm Đồng Hòa		Đồng Hòa		1,650	1,260	390
	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL 19B đến xóm Bánh		Kiên Long		1,680	1,370	310
	Tuyến đường từ QL19B đến tuyến đường ĐH.28, hạng mục: Nền, mặt đường BTXM		Vân Tường, Kiên Thạnh		3,179	2,601	578
14	Xã Bình Dương	UBND Xã Bình Dương			5,000	3,428	1,572
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Sửa chữa, mở rộng BTXM từ Quốc lộ 1A đến sân vận động xã		Văn Trường	1200 m	2,130	1,456	674
	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ QL.1A đến nhà ông Trí thôn Phú Nhiêu		Phú Nhiêu	1200 m	2,050	1,406	644
	BTXM tuyến đường từ ngõ ông Phụng đi Đàm Trà ô		Dương Liễu Bắc	300 m	820	566	254
15	Xã Bình Hiệp	UBND Xã Bình Hiệp			4,430	3,592	838
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ nhà ông Thanh đến nhà ông 4 Sương		Thôn Phú Hưng	0,55 km	1,450	1,173	277
	Nâng cấp mở rộng đường đến khu dân cư Hòa Mỹ		Thôn Hòa Mỹ	0,5 km	1,610	1,310	300

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đoạn từ nhà Tạ Văn Lai giáp đầm bờ lù		Thôn Thuận Hiệp	0,692km	1,370	1,109	261
16	Xã Bình Khê	UBND Xã Bình Khê			12,161	9,863	2,298
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Nâng cấp đường vào cụm công nghiệp Cầu 16 và khu chăn nuôi công nghệ cao 450ha		Thượng Sơn	2,6 km	12,161	9,863	2,298
17	Xã Bình Phú	UBND Xã Bình Phú			10,650	10,110	540
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, sửa chữa, thảm BT nhựa mặt đường từ Chùa Phước Sơn đến Hàm Hồ		Thôn Phú Mỹ - Phú Lâm	1,5 km	9,010	8,552	458
	Nâng cấp, mở rộng cầu bán tuyến đường từ chợ Vĩnh An đến làng Xà Tang		Xà Tang		1,640	1,558	82
18	Xã Bờ Ngoong	UBND Xã Bờ Ngoong			12,010	10,140	1,870
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Sửa chữa, nâng cấp đường láng nhựa đường liên thôn (từ ngã 3 làng Nù đến thôn An Lộc)	UBND xã Ngoong	Làng Nu-An Lộc	3 km	1,890	1,598	292
	Đường BTXM tuyến liên thôn (từ đất Lê Thị Thiện đến ngã 3 đường)	UBND xã Ngoong	Thoong Nha- Tờ Drah	0,75 km	1,150	975	175
	Đường BTXM tuyến liên thôn (từ ngã 3 nhà Thiên đến nhà ông Blêu)	UBND xã Ngoong	Thoong Nha- Tờ Drah	1 km	1,430	1,203	227
	Đường BTXM trục thôn (Điểm đầu từ Ống Kloi - điểm cuối nhà ông Tiến)	UBND xã Ngoong	Phăm Klah	0,75 km	1,070	903	167
	Đường BTXM trục thôn làng KLú	UBND xã Ngoong	Làng Kluh	0,75 km	1,120	943	177
	Đường đá láng nhựa trục thôn (sửa chữa) (Điểm đầu từ ngã 3 làng Kênh Siêu cuối đến cầu trần Thái Hà)	UBND xã Ngoong	Thái Hà	0,8 km	750	637	113

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường BTXM trục thôn Phăm Klah từ nhà ông Siu Bi đến ngã 3 nhà ông siu Nguyên và từ nhà ông Vinh- Siu Chân đến nhà ông Thor	UBND xã Ngoong	Thôn Phăm Klah	1 km	1,410	1,188	222
	Xây cống, hàng rào	UBND xã Bờ Ngoong			1,340	1,132	208
	Cải tạo mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng	UBND xã Bờ Ngoong			1,850	1,561	289
19	Xã Canh Liên	UBND Xã Canh Liên			13,400	13,400	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Vơ đến đường BTXM dốc Gia Co, từ trường mẫu giáo cũ đến Nhà văn hóa mới làng Cát		Làng Cát	0,33 km	1,400	1,400	
	Nội dung 10						
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt làng Cát và làng Cà Bông		Làng Cát và làng Cà Bông	Công suất 350m3/ng.đ	12,000	12,000	
20	Xã Canh Vinh	UBND Xã Canh Vinh			13,129	11,091	2,038
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 1						
	San ủi mặt bằng và đầu tư đường nội bộ khu dân cư xen ghép làng Canh Tiến		Làng Canh Tiến		800	676	124
	Nâng cấp BTXM các tuyến đường làng Canh Tiến		Làng Canh Tiến		680	571	109
	Đường vào suối hoa trang (Suối tre)		Canh Tiến		1,030	870	160
	Xây dựng đường giao thông nông thôn làng Canh Tiến		Canh Tiến		980	824	156
	Nâng cấp mở rộng bê tông xi măng, thảm nhựa các tuyến đường của các làng trên địa bàn xã		Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá, Canh Tiến		710	603	107
	Nâng cấp BTXM đoạn đường QL19C đi thôn Kinh Tế		Thôn Kinh Tế		1,890	1,600	290
	Đường bê tông nông thôn từ ngõ ông Đào Văn Dũng đến ngõ trường Mầm non điểm xóm 3, thôn Bình Long		Thôn Bình Long		1,030	868	162

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 10						
	Mở mạng lưới cấp nước tập trung các làng Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá		Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá		970	818	152
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường Mẫu giáo Canh Hiệp (Điểm trường Canh Tiến): Hạng mục: 2 phòng lớp học (kết hợp nhà vệ sinh học sinh), 2 phòng ở GV, khu vận động, vườn cổ tích, sân bê tông, cổng ngõ tường rào, nhà xe GV, phòng bếp.		Canh Tiến		5,039	4,261	778
21	Xã Cát Tiến	UBND Xã Cát Tiến			5,050	3,472	1,578
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến; Tuyến đường từ nhà Mai Thị Tiên - Khu TDC Vùng sạt lở thiên tai Núi Cấm; Tuyến từ ngã 3 thầy tích đến giáp đê Chánh Thắng		Thôn Chánh Thắng, Chánh Hùng	1200 m	2,660	1,834	826
	Nội dung 02						
	Xây dựng tuyến kè đoạn từ Miếu bà Bá đến ruộng Nguyễn Dũng, thôn Trường Thạnh.		Thôn Trường Thạnh	500 m	2,390	1,638	752
22	Xã Chợ Long	UBND Xã Chợ Long			10,170	9,654	516
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nội đồng làng Klăh xã Chợ Long		Làng Klăh, xã Chợ Long	BTXM và hệ thống thoát	3,700	3,512	188
	Đường giao thông nội đồng làng Tép xã Chợ Long		Làng Tép, xã Chợ Long	BTXM và hệ thống thoát	6,470	6,142	328
23	Xã Chư A Thai	UBND Xã Chư A Thai			12,682	10,834	33,233
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường GTNT nội thôn Plei Glung Mơ Lan			1120 m	2,508	2,222	286
	Đường GTNT thôn Thôn Kim Môn (Điểm đầu giáp với tỉnh lộ 662B - Điểm cuối vào nội thôn)			850 m	2,428	2,035	393
	Đường GTNT nội thôn Thanh Hà (Điểm đầu từ nhà ông Thương - Điểm cuối giáp với kênh chính Ayun Hạ)			450 m	2,248	1,882	366
	Đường nội đồng cánh đồng thôn Drok (Điểm đầu giáp với Đường BTXM hiện trạng - điểm cuối đi vào rẫy các hộ dân)			1050 m	2,109	1,771	338
	Đường giao thông nội đồng cánh đồng lớn thôn Plei Pông (Điểm đầu tiếp giáp đường BTXM hiện trạng - Điểm cuối nhà của ông Đinh Prich)			800 m	2,289	1,922	367
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương N1-1 (Đoạn gần sông Yun)		Xã Chư A Thai	100 m	290	239	51
	Kiên cố hóa kênh mương N1-1-2		Xã Chư A Thai	600 m	810	763	47
							31,385
24	Xã Chư Krey	UBND Xã Chư Krey			10,400	9,861	539
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường vào khu sản xuất làng Bơch Siêu		Xã Chư Krey	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2,320	2,199	121
	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng Kial		Xã Chư Krey	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2,250	2,133	117
	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng Biên		Xã Chư Krey	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2,390	2,263	127
	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng Chiêu Liêu		Xã Chư Krey	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	3,440	3,266	174

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
25	Xã Chư Păh	UBND Xã Chư Păh			6,060	4,498	1,562
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 1						
	Đường qua nông trường sản xuất xã Hoà Phú cũ (đường tránh HCM)		Xã Hoà Phú (cũ)	0,35 km	700	520	180
	Đường Làng Kênh (3 nhánh)		Làng Kênh - Nghĩa Hoà cũ	0,75 km	1,230	912	318
	Tên tuyến: đường thôn 5 (xã Nghĩa Hoà cũ)		Xã Nghĩa Hoà (cũ)	0,7 km	1,090	810	280
	Tên tuyến: đường thôn 2 thị trấn Phú Hoà: dài L1=580m.		Thị trấn Phú Hoà	0,6 km	950	707	243
	Tên tuyến: đường thôn 1 xã Nghĩa Hoà: dài 100m		Xã Nghĩa Hoà (cũ)	0,1 km	200	149	51
	Tên tuyến: Đường vào khu sản xuất thôn 3 (xã Nghĩa Hòa cũ).		Xã Nghĩa Hoà (cũ)	0,7 km	1,890	1,400	490
26	Xã Chư Prông	UBND Xã Chư Prông			6,840	5,060	1,780
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường làng Bò (từ đường lán nhựa đến nhà Nga Long, Nối tiếp đoạn chùa Hương đến trại gà Thắng Tươi, Từ nhà bà Bười đến nhà ông Lợi)		Làng Bò	0,98 km	1,960	1,453	507
	Đường làng Bạc 1 (Từ vườn nhà ông Lót đến vườn nhà bà Thiên)		Làng Bạc 1	0,4 km	760	563	197
	Đường thôn 4 (Từ nhà ông Rơ Mah Bráp đến nhà ông Siu Lan, Từ nhà ông Rơ Lan Dlôl đến nhà bà Puih Glem)		Thôn 4	0,27 km	570	422	148
	Đường thôn 4 (Từ nhà ông Rah Lan Quyết đến nhà Mồ và giọt nước)		Thôn 4	0,38 km	760	562	198
	Đường thôn 4 (Từ nhà ông Siu Khơ đến nhà ông Kpă Prôl, Từ nhà ông Kpă Yuro đến nhà ông Kpuih Chúc, Từ vườn nhà ông Thắng đến ruộng lúa)		Thôn 4	0,42 km	820	605	215

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường làng Núi (Từ nhà ông Hiều đến nhà ông Hường, nhà ông Blah đến nhà ông Dự, Từ nhà ông Nhân đến nhà ông Dó, nhà ông Vong Đền nhà ông Khéc)		Làng Núi	0,493 km	1,000	739	261
	Đường làng Lân (Nhà ông Tuấn - ông Meo, nhà ông Dial - ông Mrâu, Nhà ông Nông - ông Brổ, nhà ông Thín - ông Blam, nhà ông Hdet - ông Pih, nhà ông Klep - ông Hdach, nhà ông Brang - ông Ủy, nhà ông Blông - ông Hiều)		Làng Lân	0,52 km	970	716	254
27	Xã Chư Puh	UBND Xã Chư Puh			7,490	6,343	1,147
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường nội thôn: Nhà cô Nguyệt - Nghĩa địa thôn		Plei Kly Phun	650 m	1,300	1,102	198
	Đường thôn Hòa An: Đoạn nối tiếp CMT8- cuối KDC		Hòa An	125 m	380	325	55
	Đường nội thôn Nhà Nay Pen- Ma Neo		Plei Hrai Dong	480 m	980	831	149
	Đường nội thôn Nhà SHCĐ thôn - Đường Tránh Đông		Plei Hrai Dong	680 m	1,170	985	185
	Đường nội thôn: Rmah H'Lanh - Đi giọt nước 3 tấm ván		Plei Kly Phun	450 m	910	772	138
	Đường nội thôn: Phạm Thi Bim - Trương Hoàng Anh		Hòa Sơn	560 m	1,140	966	174
	Nội dung 02						
	Hệ thống kênh ngầm cánh đồng Ia Tung		Plei Thor Ga B		1,610	1,362	248
28	Xã Chư Sê	UBND Xã Chư Sê			7,591	4,678	2,913
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường trục chính, Làng Ia Pết		Làng Ia Pết	800 m	840	519	321
	Đường trục chính, Làng Tào Roòng		Làng Tào Roòng	3930 m	4,261	2,624	1,637
	Đường trục chính nội đồng, làng Greo Sék		Làng Greo Sék	2200 m	2,490	1,535	955
29	Xã Cừu An	UBND Xã Cừu An			6,843	5,829	1,014
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hết đến nhà ông Lê Văn Ốm		Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	85 m	407	339	68
	Tuyến đường đi qua chợ xã Cửu An		Thôn An Bình, xã Cửu An	120 m	600	500	100
	Đường Từ Nhà ông Huỳnh Long Môn đến Nhà văn hóa thôn An Điền Nam		Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	125 m	600	542	58
	Đường nhà ông Hà Thanh Hoàng đến đường huyện 76 (Hà Thanh Phong)		Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	426 m	2,100	1,833	267
	Đường ngõ xóm CD (tỉnh 669 nhà ông Hoàng đến Bàu rộc Tảo)		Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	70 m	300	250	50
	Nội dung 02						
	Kênh mương Bàu Mười Thiên		Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	420 m	630	525	105
	Kênh mương Bàu Chánh		Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	650 m	975	813	162
	Nội dung 10						
	Giếng khoan lấy nước các làng đồng bào, dân tộc thiểu số		Làng Nhoi. Làng Pờ Nang; Làng Hòa Bình	Khoan 3 giếng lấy nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS	510	425	85
	Bể chứa nước và các thiết bị kèm theo các làng đồng bào, dân tộc thiểu số		Làng Nhoi. Làng Pờ Nang; Làng Hòa Bình	Xây dựng mới 3 bể chứa nước và các thiết bị kèm theo	135	113	22
	Đường ống dẫn nước		Làng Nhoi. Làng Pờ Nang; Làng Hòa Bình	1,5 km	586	489	97
30	Xã Đak Đoa	UBND Xã Đak Đoa			5,311	3,662	1,649
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường từ Trung tâm xã Đak Đoa đi Quốc lộ 19		Các thôn	2,1 km	5,311	3,662	1,649
31	Xã Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ			11,220	9,475	1,745
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM (đoạn đất ông Bal đi khu sản xuất)		Làng Hway	2 km	7,370	6,232	1,138
	Đường BTXM (đoạn sau làng)		Làng Kruối Chai	1 km	3,850	3,243	607
32	Xã Đak Rong	UBND Xã Đak Rong			8,466	8,466	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường nội làng Kon Lốc 2		Làng Kon Lốc 2	Đường BTXM, Bm=3m	750	750	
	Đường đi khu sản xuất làng Hà Đùng 2		Làng Hà Đùng 2	Đường BTXM, Bm=3,5m	6,216	6,216	
	Đường đi cánh đồng Kon Lốc 1		Làng Kon Lốc 1		1,500	1,500	
33	Xã Đak Somei	UBND Xã Đak Somei			8,530	8,095	435
	Hợp phần 1						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ Quốc lộ 19D đi làng Pral Somei, xã Đak Somei. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng một số đoạn trọng yếu		Làng Pral Somei	Nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường, 7,8km, Bn=5,5m	8,530	8,095	435
34	Xã Đăk Song	UBND Xã Đăk Song			8,428	8,428	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nâng cấp cống thoát nước suối Krôi (Điểm đầu giáp rẫy hộ bà Nguyễn Thị Xuân Bình, điểm cuối làng Kte cũ)		Làng Kte-Kchăng	Cống thoát nước ngang 3 cửa 200x200 và hạng mục phụ	1,142	1,142	
	Đường nội làng Kliết - H'ôn, đoạn đối diện điểm trường Cao Bá Quát, đến giáp nhà rông làng H'ôn cũ; Đoạn giáp trường mầm non Hoà Bình (làng Kliết cũ) điểm giáp nhà ông Thuyết		Làng Kliết-H'ôn	290 m	734	734	
	Đường nội làng Mèo (Điểm đầu giáp nhà hộ ông Đinh Nhen, điểm cuối giáp nhà hộ ông Đinh Nhon)		Làng Mèo	207 m	730	730	
	Đường nội đồng làng Blà (Điểm đầu giáp đường BTXM đường xã đi làng Mèo, điểm cuối rẫy hộ ông Đinh Chêl)		Làng Blà	2 km	3,316	3,316	
	Đường nội làng Krắc (Điểm đầu từ nghĩa địa cũ làng Krắc, điểm cuối giáp hộ ông Đinh Ớt)		Làng Krắc	600 m	1,549	1,549	
	Nội dung 05						
	Trường mầm non Hoà Bình (điểm làng Kliết-H'ôn, Krắc, làng Kte-Kchăng)		Làng Kte-Kchăng + làng Kliết-H'ôn+ làng Krắc	Mái vòm, giếng khoan và hạng mục phụ	549	549	
	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân tại trung tâm xã		Làng Mèo	Sân bê tông và giếng khoan	408	408	
35	Xã Đề Gi	UBND Xã Đề Gi			6,189	4,086	2,103
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 2						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM nội đồng, tuyến từ bê tông làng nghề đến đường liên thôn (Cánh An - Phú Hiệp)		Thôn Phú Hiệp	0,95 km	2,529	1,671	858
	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Quý đến nhà ông Phạm Ngọc Khương (Thôn Thái Phú)		Thôn Thái Phú	0,65 km	1,170	769	401
	Tuyến đường bê tông giao thông nội đồng từ Đập Cây sữa chạy ra đồng Bài		Thôn Cánh An	1 km	2,490	1,646	844
36	Xã Đức Cơ	UBND Xã Đức Cơ			6,350	5,466	884
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường tuyến 2 đi khu diễn tập (Đoạn từ ngã sau Hon Đa Vũ)		Lung Prông	0,3 km	800	674	126
	Đường giao thông nội làng Ấp (Đoạn từ ngã ba Định - Mũi đi tuyến sau)		Làng Ấp	0,9 km	2,300	2,083	217
	Đường T3 đi khu sản xuất (Trạm y tế đi rẫy cao su)		Làng Krai	0,35 km	800	667	133
	Các nhánh đường nội làng Grôn (Đoạn 1 gần nhà SHCĐ đi nhà ông Tép; đoạn 2 từ ngã ba đi nhà ông A)		Làng Grôn	0,35 km	800	667	133
	Các nhánh đường ra khu sản xuất 1 Làng Pnuk (Đoạn 1 tiếp nối đường BT công chào; đoạn 2 từ ngã ba đi khu sản xuất)		Làng Pnuk	0,42 km	900	750	150
	Đường giao thông các nhánh nội làng		Làng Grôn	0,3 km	750	625	125
37	Xã Gào	UBND Xã Gào			15,080	12,755	2,325
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng đường O Grang đi Dê Chí				1,770	1,506	264
	Làm mới đường làng B đến làng C đoạn từ đất nhà Huỳnh Bích Phượng đến giáp đường Trần Can				3,990	3,374	616
	Nội dung 10						
	Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch tập trung làng B, Làng O Grang		Làng B, Làng O Grang		9,320	7,875	1,445
38	Xã Hòa Hội	UBND Xã Hòa Hội			4,671	3,858	813
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Mở rộng đường BTXM tuyến Chợ Ba Làng đi Trụ sở thôn Hòa Đại		Thôn Hoà Đại	2,2 km	4,671	3,858	813
39	Xã Hoài Ân	UBND Xã Hoài Ân			5,958	4,083	1,875
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tuyến đường từ nhà ông Hồng (Thanh Tú) đến nhà ông Thanh (Gia Trị)		Xã Hoài Ân	Đường BTXM, Bmặt = 5,5m và hệ thống thoát nước	2,419	1,660	759
	Tuyến đường từ đường ĐT 630 đến Trường Tiểu học số 02 Ân Đức		Xã Hoài Ân	Đường BTXM, Bmặt = 5,5m và hệ thống thoát nước	970	662	308
	Tuyến đường từ ĐT 638 đến khu chăn nuôi tập trung xã Hoài Ân				2,569	1,761	808
40	Xã Hội Sơn	UBND Xã Hội Sơn			7,420	7,050	370
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM GTNT xã Hội Sơn; Tuyến: từ nhà ông Nguyễn Đình Hiếu đến nhà thờ Cây Ròi		Thôn Đại Khoang, xã Hội Sơn	0,92 km	2,620	2,495	125
	Đường BTXM GTNT xã Hội Sơn; tuyến từ đồng Cây Chanh đến nhà ông Nguyễn Bình		Thôn Thạch Bàn Tây, xã Hội Sơn	0,73 km	2,280	2,162	118
	Đường BTXM GTNT xã Hội Sơn; Tuyến từ xóm Sơn Tuyền đến Hồ Hội Sơn		Thôn Hội Sơn, xã Hội Sơn	0,82 km	2,520	2,393	127
41	Xã Hra	UBND Xã Hra			7,700	6,540	1,160
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đoạn từ nhà Tuy đến ngã 3 đường đi Tơ PleL		Ch'rong II	0,2 km	700	612	88
	Đường BTXM trục làng, Nội làng Đê Kôn từ nhà ông MroiH đến nhà Nhor		Đê Kôn	0,3 km	940	798	142
	Tuyến đường từ nhà ông dũi đến nhà wui		Kdung	0,2 km	600	509	91
	Tuyến đường từ nhà Proh đến giọt nước		Kdung	0,2 km	550	468	82
	Tuyến đường từ điểm đầu trạm thủy nông đến cuối làng Bokayol		Phú Danh	0,8 km	2,430	2,054	376
	Tuyến đường từ nhà Yuan đến khu SX ruộng		Kdung	0,4 km	1,000	846	154

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Tuyến đường từ nhà SH cộng đồng Kdung tổ 2 đi xuống ruộng		Kdung	0,45 km	770	650	120
	Đường từ nhà rông đến giáp rừng thông		Đê Kôn	0,3 km	710	603	107
42	Xã Ia Băng	UBND Xã Ia Băng			8,770	7,493	1,277
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông Thôn 6 xuống hồ Ia Băng (giáp đường liên thôn vào thôn O Đất đến hồ Ia Băng)		Thôn 6	0,35 km	1,200	1,107	93
	#####		Thôn O Ngó	1,35 km	2,120	1,792	328
	Đường giao thông Thôn Breng đi khu sản xuất (từ nhà ông APhong; đến giáp đường bê tông)		Thôn Beng	0,5 km	930	782	148
	Đường giao thông nông thôn thôn Hàm Rông (từ nhà ông Quang đến nhà bà Vân)		Thôn Hàm Rông	0,8 km	1,460	1,235	225
	Đường giao thông Thôn Ia Klai (từ đường tránh QL 19 đến điểm cuối nhà ông Hiên; đoạn từ đường tránh QL 19 đến điểm cuối nhà ông Tú; đoạn từ nhà ông Xuân đến nhà ông Nga; đoạn từ ông Hoá đến nhà ông Hợp)		Thôn Ia Klai	0,78 km	1,430	1,204	226
	Đường giao thông thôn Bông Lar + Điểm đầu: nhà HLUH, điểm cuối nhà SÔNG, 200m; + Điểm đầu nhà HMOM, điểm cuối nhà AYAN; 200m +Điểm đầu nhà BÔN, điểm cuối nhà LÔ; 100m +Điểm đầu nhà Hul, điểm cuối nhà SER 500m		Thôn Bông Lar	1 km	1,630	1,373	257
43	Xã Ia Boàng	UBND Xã Ia Boàng			8,840	7,477	1,363
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông làng Siu (từ nhà ông Siu Guil đến nhà ông Giờ)		Làng Siu	170 m	440	375	65
	Đường giao thông nông thôn làng Nót (từ nhà Nguyễn Xuân Thuận đến nhà bà Nguyễn Thị Bích Dung)		Làng Nót	150 m	420	351	69
	Đường giao thông nông thôn làng Quen (nhà Siu Bih đến nhà Siu Hanh)		Làng Quen	150 m	440	371	69

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông nông thôn làng Klũh Klăh (đoạn 1 từ nhà Siu Gdác đến nhà Ksor Mill; đoạn 2 từ nhà Phan Văn Phê đến nhà Kpă Boh)		Làng Klũh Klăh	220 m	580	494	86
	Đường giao thông nông thôn làng Đê Sơ (nhà Kpă Kuan đến nhà Nguyễn Thị Mây)		Làng Đê Sơ	650 m	1,630	1,381	249
	Đường giao thông nông thôn làng Gà (nhà Siu H Thanh đến giọt nước)		Làng Gà	600 m	400	340	60
	Rãnh thoát nước đường giao thông làng Khor		Làng Khor	280 m	340	285	55
	Đường giao thông nội thôn Yên Me (nhà Đỗ Thành Luân đến nhà Hồ Công Định)		Thôn Yên Me	150 m	420	355	65
	Đường giao thông nông thôn làng Quen (Nhà thôn phó đến nhà Rơ Lan Hlo)		Làng Quen	200 m	550	469	81
	Đường giao thông nông thôn làng Quen (Nhà Siu lý đến nhag Kpă Hro)		Làng Quen	150 m	400	335	65
	Đường giao thông nội đồng thôn Đoàn Kết (nghĩa trang nhân dân xã đến suối Rang)		Thôn Đoàn kết	400 m	980	827	153
	Đường giao thông nội đồng làng Quen (Cầu Ba Tình đến rẫy ông Ven)		Làng Quen	850 m	2,240	1,894	346
44	Xã Ia Chia	UBND Xã Ia Chia			12,075	12,075	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Xây mới đường làng Nủ 1 (đoạn đường cuối làng Nủ 1 đi Đội 16)		Làng Nủ 1	1400 m	2,000	2,000	
	Sửa chữa tuyến đường Làng Nủ 1 (Ngã 3 Đội 14 của làng Nủ II đi làng Nủ 1)		Làng Nủ 1	3800 m	4,075	4,075	
	Sửa chữa các tuyến đường Làng Lang		Làng Lang	2100 m	3,000	3,000	
	Sửa chữa các tuyến đường Làng Beng		Làng Beng	2150 m	3,000	3,000	
45	Xã Ia Dok	UBND Xã Ia Dok			9,151	8,709	442
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông làng Dok Ngol		Làng Dok Ngol	1400 m	2,300	2,212	88
	Đường giao thông làng Dok Lăh		Làng Dok Lăh	1600 m	1,350	1,282	68
	Đường giao thông làng Sung Kép đi khu sản xuất				3,611	3,419	192
	Đường giao thông làng Ghè		Làng Ghè	1100 m	1,890	1,796	94
46	Xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom			7,527	7,527	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông đi thủy điện cũ vào vườn Tách (đoạn nối tiếp)			1,5 km	2,527	2,527	
	Đường giao thông đoạn từ 5K đi suối Đôi			1,1 km	2,000	2,000	
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Mook Trêl, (đoạn từ ngã 3 đi cây phượng)			0,8 km	1,000	1,000	
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Mook Trang (đoạn từ QL19 đi vào khu dân cư)			2 km	2,000	2,000	
47	Xã Ia Dreh	UBND Xã Ia Dreh			8,120	7,749	371
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường nội thôn các buôn: Buôn Kơ Jing; Buôn Chờ Tung Buôn Hdreh		B.Kơ Jing + B.Chờ Tung + B.Hdreh	275 m	510	481	29
	Đường vào KSX buôn Ia Klon (từ sau núi 1 đến rẫy Oi Đen)		Buôn Ia Klon	1 km	1,570	1,552	18
	Đường vào KSX buôn Ia Klon (từ rẫy Oi Nhông đến rẫy Oi Táo)		Buôn Ia Klon	0,5 km	840	792	48
	Đường nội thôn buôn Jú (từ đường Trường Sơn Đông đến nhà ông Ma H'Diệp)		Buôn Jú	0,1 km	250	234	16
	Đường nội thôn buôn Jú (từ đường Ma Rô đến nhà ông Ma Thư)		Buôn Jú	0,1 km	260	245	15
	Nội dung 10						
	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Ia Sóa (Buôn Hlối cũ)		Buôn Ia Sóa		1,280	1,211	69

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 04						
	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến đường liên xã		Các tuyến đường liên xã	17000 m	2,780	2,637	143
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần số 01						
	Nội dung 01						
	Trường Mầm Non Ngôi Sao Nhỏ		Xã Ia Deh		630	597	33
48	Xã Ia Grai	UBND Xã Ia Grai			7,118	5,202	1,916
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông làng O Rê 2		Làng O Rê 2, xã Ia Grai	600 m	3,059	2,182	877
	Nội dung 02						
	Kênh thủy lợi Làng Păng Gol - Phù Tiên, làng Út 2 (3,2km kênh mương)		Làng Păng Gol - Phù Tiên, làng Út 2	2 km	4,059	3,020	1,039
49	Xã Ia Hiao	UBND Xã Ia Hiao			7,390	7,025	365
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Công trình GTNT Bôn Oi Hly (đường thôn 1); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác		Bôn Oi Hly, xã Ia Hiao	BTXM Bm=5,5m, hệ thống thoát nước	2,210	2,104	106
	Công trình GTNT Bôn Oi Hly (đường thôn 4); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác		Bôn Oi Hly, xã Ia Hiao	BTXM Bm=5,5m, hệ thống thoát nước	1,940	1,843	97
	Nội dung 02						
	Công trình cải tạo nâng cấp Kênh N23-1		Xã Ia Hiao	729 m	1,110	1,057	53
	Công trình cải tạo nâng cấp Kênh N23-10		Xã Ia Hiao	622 m	960	913	47
	Công trình cải tạo nâng cấp Kênh N21-7		Xã Ia Hiao	983 m	1,170	1,108	62
50	Xã Ia Hnú	UBND Xã Ia Hnú			10,389	8,787	1,602
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01:						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Xây mới đường GTNT thôn Lũh Yố (Tuyến 1: Từ nhà ông Rmah Kroái đến nhà ông Nguyễn Văn Chấm, Tuyến 2: Từ nhà ông Ksor Ving đến nhà ông Nguyễn Vinh Lâm, Tuyến 3: Từ nhà ông Phạm Văn Hoàng đến nhà ông Rmah Bur)		Thôn Lũh Yố	1600 m	2,800	2,375	425
	Xây mới đường GTNT thôn Tung Dao (Tuyến 1: Từ nhà ông Rah Lan Bin đến nước giọt, Tuyến 2: Từ nhà ông Nguyễn Văn Oai đến nhà ông Đức, Tuyến 3: Từ nhà ông Rmah Đút đến nước giọt)		Thôn Tung Dao	800 m	1,450	1,223	227
	Xây dựng mới đường GTNT thôn Lũh Ngó (Tuyến 1: Từ nhà RChâm H'Toan đến nhà Rmah H'Blek; Tuyến 2: Từ nhà Rmah H'Ban đến nhà Siu H'Lang; Tuyến 3: Từ nhà Nguyễn Thị Thanh Tâm đến nhà Lê Đình Huân)		Thôn Lũh Ngó	540 m	1,230	1,043	187
	Xây dựng mới đường GTNT thôn Tung Mo A (Tuyến 1: Từ nhà Rmah H' Aneh đến nhà Rlan H' Roh, Tuyến 2: Từ nhà Rlan Geng đến đường Nghĩa địa, Tuyến 3: Từ Nghĩa địa đến điểm nối thôn Tung Chreh)		Thôn Tung Mo A	2200 m	3,899	3,295	604
	Xây dựng mới tuyến đường nội thôn Kueng XN		Thôn Kueng XN	500 m	1,010	851	159
51	Xã Ia Hrun	UBND Xã Ia Hrun			6,990	5,194	1,796
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Làm mới Đường nội thôn làng yek		Làng yek	2500 m	3,420	2,544	876
	Làm mới Đoạn đường nội thôn làng Jut 1 (đoạn từ nhà Puih Hluên đến nhà ông Hun; từ nghĩa địa xuống nước giọt; từ ông Chuyên đến vườn rau; từ nhà Rơ com Ha ni đến cánh đồng ruộng; từ nhà Siu Vót đến siu Vành)		Làng Jut 1	900 m	1,510	1,120	390
	Nội dung 02						
	Kiên cố đoạn cuối kênh chính			1,4 km	2,060	1,530	530
52	Xã Ia Khur	UBND Xã Ia Khur			11,551	9,766	1,785
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông làng Kon Sơ Lăl		Làng Kon Sơ Lăl	0,772 km	1,450	1,229	221
	Đường giao thông làng Tơ Ver		Làng Tơ Ver	2,7 km	2,981	2,522	459
	Đường giao thông làng Rơ Vai		Làng Rơ Vai	2,7 km	3,020	2,548	472
	Đường giao thông làng Tơ Vơ 2		Làng Tơ Vơ 2	2,7 km	2,860	2,418	442
	Đường giao thông thôn Tân Lập		Thôn Tân Lập	0,6 km	1,240	1,049	191
53	Xã Ia Ko	UBND Xã Ia Ko			8,730	7,380	1,350
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường xương cá (Đoạn nhà Hưng), làng Tol, xã Ia Ko				1,390	1,176	214
	Đường xương cá từ giữa làng đến đường liên xã, làng Tel, xã Ia Ko				380	324	56
	Đường từ nhà ông Siu Klôn đến nhà ông Kpui Chur, thôn 6C				410	346	64
	Đường đi cầu Tai Glai (qua Ia Vê), làng Tai Glai, xã Ia Ko				2,910	2,461	449
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương tại làng Á				2,030	1,717	313
	Nội dung 09						
	Đầu tư hệ thống truyền thanh cụm xã Ia Hl ốp (cũ)				830	698	132
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						
	Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN				780	658	122
54	Xã Ia Krái	UBND Xã Ia Krái			7,630	6,480	1,150
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Ly đến Nhà bà Nguyễn Thị Ngoan		Thôn 1	0,2 km	500	424	76

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Xây dựng mới đường giao thông nội thôn thôn Ia Châm (đoạn từ ngã tư chợ đến nhà ông Đạt và nhà Bà Khoát)		Thôn Ia Châm, xã Ia Krái	0,83 km	1,550	1,344	206
	Đoạn từ Phòng đội 26/3 đến Nhà ông Hựu giới		Thôn Ia Châm	0,118 km	260	218	42
	Xây dựng mới đường giao thông nội thôn (đoạn sau nhà Rông từ nhà bà Byoh đến nhà ông Thanh)		Làng Ó, xã Ia Krái	1 km	1,860	1,571	289
	Xây dựng mới đường giao thông nội bộ Thôn 2. (Đoạn từ nhà Ô Thẩm tổ 3 đến nhà Ô Tinh Tổ 4)		Thôn 2, xã Ia Krái	1 km	1,940	1,640	300
	Xây dựng mới đường giao thông nội thôn (đoạn từ Tinh lộ 664 đi Tổ 5)		Thôn 3, xã Ia Krái	0,7 km	1,520	1,283	237
55	Xã Ia Krêl	UBND Xã Ia Krêl			8,570	7,253	1,317
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông kết nối làng Krêl - Krol		Làng Krêl, Krol	2,5 km	7,380	6,245	1,135
	Đường giao thông làng Krêl (KRE02)		Làng Krêl	0,3 km	580	493	87
	Đường giao thông làng Le 2 (LE2 02)		Làng Le 2	0,3 km	610	515	95
56	Xã Ia Lâu	UBND Xã Ia Lâu			9,160	8,714	446
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 01						
	Cầu thôn Đà Bắc			Thay mới 1 cầu bản cũ qua kênh thủy lợi hiện đang xuống cấp hư hỏng	750	739	11
	Đường giao thông thôn Lũng Vân (Từ nha ông Phôn đến bà Nhuận)			1,2 km	1,470	1,392	78
	Đường giao thông thôn Lũng Vân (Từ nha ông Thuý đến ông Tứ)			327 m	470	450	20
	Đường giao thông thôn 6			300 m	460	432	28
	Đường giao thông thôn Bắc Thái			1100 m	1,480	1,402	78
	Đường GTNT Làng Đút			2 km	2,910	2,755	155

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông thôn Pior 2 (Từ nhà ông Siu Bin đến đất ông Siu Kuân)			105 m	140	136	4
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 04						
	Mở rộng nhà văn hoá thôn Yên Hưng, Thôn 7			Nhà vệ sinh + sân	980	933	47
	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pior 1, Làng Tu.			Hạng mục: Mái che, nhà vệ sinh và HMP	500	475	25
57	Xã Ia Le	UBND Xã Ia Le			8,460	7,134	1,326
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông thôn Phú Bình		Thôn Phú Bình	0,5 km	950	809	141
	Đường giao thông thôn Kênh Hmek		Thôn Kênh Hmek	0,5 km	920	774	146
	Đường giao thông thôn Puối Lốp		Thôn Puối Lốp	0,5 km	980	825	155
	Đường giao thông thôn Thủy Phú A		Thôn Thủy Phú A	0,5 km	930	782	148
	Đường giao thông thôn Phú Hòa		Thôn Phú Hòa	0,5 km	970	817	153
	Đường giao thông thôn 6		Thôn 6	0,5 km	900	759	141
	Đường giao thông thôn Thiên An		Thôn Thiên An	0,5 km	960	808	152
	Đường ngõ xóm thôn Ia Brel		Thôn Ia Brel	1,2 km	1,850	1,560	290
58	Xã Ia Ly	UBND Xã Ia Ly			10,179	8,615	1,564
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông làng Yăh		Làng Yăh	1 km	3,060	2,598	462
	Đường giao thông làng Vân		Làng Vân	1 km	3,050	2,580	470
	Đường giao thông làng AL		Làng AL	1,5 km	4,069	3,437	632
59	Xã IA Mơ	UBND Xã Ia MƠ			7,783	7,783	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nông thôn làng Náp		Làng HNáp	1 km	2,900	2,900	
	Đường giao thông nông thôn làng Krông (Từ tỉnh lộ 665 trước bệnh xá quân dân y kết hợp, Đoàn kinh tế quốc phòng 710 đến cầu vượt trạm bơm ban quản lý thủy lợi 07) Làng Krông		Làng Krông	1500 m	1,233	1,233	
	Đường giao thông nông thôn làng Náp - NHÁNH 2		Làng HNáp	0,5 km	750	750	
	Đường giao thông nội đồng làng Náp (tuyến Từ tỉnh lộ 665 tới trạm bơm ban quản lý thủy lợi 07)		Làng HNáp	2 km	2,900	2,900	
60	Xã Ia Nan	UBND Xã Ia Nan			7,310	7,310	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GT nội thôn Ia Chía (Từ nhà ông Thuần mai đến Nhà ông Khương Hữu)		Thôn Ia Chía		440	440	
	Đường nội đồng thôn Ia Đào (Tuyến 1: Từ Hộ rẫy ông Nguyễn Văn Thê đến hộ rẫy Hoàng Thị Thủy; tuyến 2: Từ Hộ rẫy Hoàng Thị Thủy đến rẫy Nguyễn Xuân Kính)		Thôn Ia Đào		860	860	
	Đường giao thông thôn Ia Kle (Tuyến 1: Từ nhà bà Hồ Kim Sơn đến nhà ông Nguyễn Văn Trường. Tuyến 2: Từ nhà ông Nguyễn Văn Vĩnh đến nhà ông Nguyễn Văn Toàn; Tuyến 3: Đoạn nhà ông Đê đến đoạn nhà ông Thông Long)		Thôn Ia Kle		620	620	
	Đường GT nội thôn Đức Hưng (Từ nhà mũ đơn vị đội 6 đến nhà Ông Nguyễn Văn Minh)		Thôn Đức Hưng		400	400	
	Đường GT nội thôn Ia Chía (Tuyến 1: Từ nhà ông Nam Điệp đến nhà ông Sơn Nhung; Tuyến 2: Dốc vào khu đồi phượng Hoàng)		Thôn Ia Chía		380	380	
	Đường nội đồng thôn Ia Đào (Đoạn Từ hộ Nguyễn Ngọc Lân đến rẫy hộ Nguyễn Văn Thiện)		Thôn Ia Đào		770	770	
	Đường GT thôn Đức Hưng (Từ tổ 7 đến nhà ông Nguyễn Văn Khá)		Thôn Đức Hưng		1,100	1,100	
	Đường nội đồng khu A làng Tung (Tuyến 1: Từ nhà Ksor Đam đến cánh đồng; tuyến 2: Từ nhà ông Rơ Lan Nuy đến cánh đồng)		Làng Tung		200	200	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường nội thôn GT thôn Ia Nhú (Tuyến 1: Từ nhà Hoàng Minh Đức xuống nhà Lê Anh Đức; tuyến 2: Từ nhà ông Chương đến lô cao su đội 7; tuyến 3: từ nhà ông Hoàng Minh Đức xuống nhà Tống Văn Chung; tuyến 4: từ nhà ông Văn đến cao su Đội 7)		Thôn Ia Nhú		500	500	
	Nội dung 02						
	Đập thủy lợi làng Tung		Làng Tung	22 ha	1,000	1,000	
	Nội dung 04						
	Hệ thống điện năng lượng mặt trời các làng				1,040	1,040	
61	Xã Ia O	UBND Xã Ia O			12,240	12,240	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đoạn từ trường học Chu Văn An		Làng Dăng	Tổng chiều dài đoạn sửa chữa 2km	1,451	1,451	
	Đoạn từ nhà ông Sỹ đến nhà Psim và đoạn từ ông Rơ Châm Diêm đến bà Ksor Yim		Làng Dăng	Tổng chiều dài đoạn xây mới 0.35km	521	521	
	Tuyến đường Từ Đường tỉnh lộ 664 à Nhà Puih Liệu		Làng Lân	Tổng chiều dài đoạn xây mới 0.48km	619	619	
	Tuyến từ nhà Rơ Châm Bon đến Nhà Rơ Mah Doaih		Làng Lân	Tổng chiều dài đoạn xây mới 0.45km	671	671	
	Nội dung 04						
	Trường THCS Chu Văn An		Làng dăng		8,978	8,978	
62	Xã Ia Pa	UBND Xã Ia Pa			8,250	6,973	1,277
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM thôn Đăk Chă, gồm 4 nhánh (Nhánh 1: Đoạn từ QL.TSD đến đường giáp đường nội thôn; Nhánh 2: Đoạn từ nhà Trần Quốc Triệu đến sân bóng thôn; Nhánh 3: Đoạn từ Rcom Sơm đến nhà Ksor Yok)		Thôn Đăk Chă	0,7 km	2,090	1,765	325
	Đường BTXM Thôn Baleng (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Tiến Toàn đến kênh B22 đầu lô 6)		Thôn Baleng	0,7 km	2,020	1,706	314

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Sửa chữa một số tuyến đường BTXM thôn Quý Đức (Đoạn từ nhà ông Trần Thanh Châu đến nhà ông Cao Tất Thái)		Thôn Quý Đức	0,5 km	1,230	1,039	191
	BTXM đường thôn Ploi Ia Mron; gồm 2 nhánh (Nhánh 1: Từ quán tạp hóa bà Xim đến nhà Siu Đam; Nhánh 2: Từ nhà Siu Luật tới nhà Nay Anhuen)		Ploi Ia Mron	1 km	2,910	2,463	447
63	Xã Ia Phí	UBND Xã Ia Phí			8,840	7,474	1,366
	HỢP PHẦN THỨ NHẤT						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông Thôn 1			Đường BTXM Bn=5m, Bm=3,5m	1,290	1,099	191
	Đường giao thông Thôn 2			Đường BTXM Bn=5m, Bm=3,5m	1,250	1,052	198
	Đường giao thông Làng Mrông Yố 1			Đường BTXM Bn=5m, Bm=3,5m	1,630	1,380	250
	Đường giao thông Làng Mrông Yố 2			Đường BTXM Bn=5m, Bm=3,5m	1,550	1,308	242
	Đường giao thông Làng Mrông Ngó 3			Đường BTXM Bn=5m, Bm=3,5m	1,620	1,366	254
	Đường giao thông Làng Mrông Ngó 4			Đường BTXM Bn=5m, Bm=3,5m	1,500	1,269	231
64	Xã Ia Pia	UBND Xã Ia Pia			8,650	7,346	1,304
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM Làng Hát		Làng Hát	2140 m	3,280	2,803	477
	Đường BTXM Làng Xom Pốt (từ nhà mồ đến nhà ông Ô nhánh 1, từ tỉnh lộ 665 xuống nhà mã làng Xom nhánh 2		Làng Xom Pốt	2000 m	1,440	1,216	224
	Đường BTXM làng Hlang Ngol (Từ ngã 3 nhà ông Thới đến nhà ông Siu Kheo)		Làng Hlang Ngol	645 m	1,020	864	156
	Đường BTXM Thôn Tân Lập (đốc bảy bàng đến cây cao)		Thôn Tân Lập	1000 m	1,450	1,229	221

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường BTXM làng Tu 1, từ cao su ông Tài đến nhà ông Thánh		Làng Tu 1	450 m	710	602	108
	Đường BTXM làng Tu 2 (Từ nhà ông Viên đến nhà ông Mầu)		Làng Tu 2	500 m	750	632	118
65	Xã Ia Pnôn	UBND Xã Ia Pnôn			7,751	7,751	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Cầu làng Bua đi hồ đĩa (Cầu qua suối Ia Kriêng)		Làng Bua, xã Ia Pnôn	0,5 km	5,500	5,500	
	Tuyến từ làng Triêl qua đường làng Bua		Làng Triêl, xã Ia Pnôn	0,3 km	751	751	
	Đường giao thông làng Bua		Làng Bua	0,6 km	1,500	1,500	
66	Xã Ia Púch	UBND Xã Ia Púch			6,780	6,780	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nội thôn làng Chư Kó Tuyến 1				3,300	3,300	
	Đường giao thông nội đồng làng Goòng Tuyến 10				2,100	2,100	
	Đường giao thông nội thôn làng Chư Kó Tuyến 3				1,380	1,380	
67	Xã Ia Rbol	UBND Xã Ia Rbol			8,331	7,903	428
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GTNT bôn Chư Băh A và Bôn Hiao (trước NVH Bôn Chư Băh A)		Bôn Chư Băh A và Bôn Hiao	175 m	350	331	19
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Đoạn từ Nay Nhuyen đến Siu Sun)		Rung Ma Nin	130 m	290	278	12
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Rai (Đoạn từ Nhà Văn hóa đến Nhà MaKum)		Rung Ma Rai	170 m	360	346	14

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Đoạn từ Đường liên xã đến Nay H' Nhim)		Rung Ma Nin	160 m	350	328	22
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Đoạn từ Đường liên xã đến Rah lan H' Đung)		Rung Ma Nin	60 m	150	147	3
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nhiu (Đoạn từ Đường liên xã đến Nay H' Điu)		Rung Ma Nhiu	150 m	340	318	22
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Rai (Đoạn từ Đường bê tông đến Rcom H' Broãi)		Rung Ma Rai	170 m	360	339	21
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Đoan (Đoạn từ Đường liên xã đến Nay H'Ngu)		Rung Ma Đoan	300 m	530	505	25
	Đường GTNT Bôn Hoanh (Đoạn từ Nay Khuen đến Nay Noi)		Bôn Hoanh	90 m	170	159	11
	Đường từ nhà ông Nay Thúy đến Trại heo Phú lộc phát.		Bôn Bir	2782,4 m	5,431	5,152	279
68	Xã Ia Rsai	UBND Xã Ia Rsai			8,680	7,339	1,341
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông buôn EKia, xã Ia Rsai (Đoạn từ Cầu Oi Kia đến Tạt hóa Nhung)		Buôn Ekia	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	3,020	2,568	452
	Đường giao thông buôn Puh Chik, xã Ia Rsai (Đoạn từ cầu treo đến nhà bà Kpă H' Dìng)		Buôn Puh Chik	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2,110	1,778	332
	Đường GTNT Ka Tô, xã Ia Rsai (Đoạn từ nhà Ông Nguyễn Văn Kiên đến Chợ Chư Đông)		Buôn Ka Tô	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	1,840	1,551	289
	Đường GT liên thôn xã Ia Rsai (Đoạn từ cây xăng Như Ý Krông Pa đến nhà ông Ksor Khanh, đến tạt hoá Mí Anh)		Xã Ia Rsai	Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	1,710	1,442	268
69	Xã Ia Sao	UBND Xã Ia Sao			6,450	6,162	288
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường trục sản xuất xã Ia Sao (cánh đồng Bôn Hoang 1)		Bôn Hoang 1	1400 m	3,030	2,924	106

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường giao thông nông thôn giữa Bôn Hoang 1 và 2 (Đoạn từ QL 25 đến nhà ông Nay Bép)		Bôn Hoang 1, Bôn Hoang 2	500 m	680	646	34
	Đường giao thông nông thôn Bôn Hoang 2 (đoạn từ ngã tư đến cuối tuyến)		Bôn Hoang 2	337 m	520	492	28
	Đường giao thông nông thôn Bôn H' Liếp (từ trường Lê Lợi đến đất bà Rah Lan H' Brú)		Bôn H' Liếp	95 m	140	136	4
	Đường giao thông nội đồng thôn Quyết Thắng - Bôn Hoang 1 (từ Kênh mương N25 đến ruộng ông Nguyễn Xuân Thành)		Thôn Quyết Thắng, Bôn Hoang 1	390 m	680	640	40
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương N29-7 và N29-7a, Bôn Hoang 1		Bôn Hoang 1	700 m	720	681	39
	Kiên cố hóa kênh mương N29-8b, N29-8c và N29-8d		Xã Ia Sao	520 m	530	498	32
	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng 3/2		Thôn Quyết Thắng	115 m	150	145	5
70	Xã Ia Tôr	UBND Xã Ia Tôr			7,751	6,552	1,199
	Hợp phần thứ nhất						
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Blu đoạn từ nhà ông Siu Grit đến nhà ông Lê Văn Nguyên		Làng Blu, xã Ia Tôr	700 m	990	841	149
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Blu đoạn từ nhà ông Siu Hoach đến nhà bà Nguyễn Thị Hải		Làng Blu, xã Ia Tôr	600 m	860	729	131
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Mút Thong đoạn từ ĐX794 đến đường bê tông		Làng Mút Thong, xã Ia Tôr	800 m	1,230	1,037	193
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội đồng thôn 1 đoạn từ nhà mồ đến suối		Thôn 1, xã Ia Tôr	1500 m	2,031	1,720	311
	Công trình cải tạo, nâng cấp đường nội thôn làng Anh đoạn từ nhà ông Tô Văn Bán đến nhà ông Phùng Hồng		Làng Anh, xã Ia Tôr	2000 m	2,640	2,225	415
71	Xã Ia Tul	UBND Xã Ia Tul			11,469	10,897	572
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường BTXM tuyến nội đồng vào khu sản xuất trạm bơm 2, xã Ia Tul (Điểm đầu từ đường trục chính xã Ia Tul vào khu sản xuất Ia Rmie)		Bôn Biah A	0,5 km	1,200	1,145	55
	Đường giao thông Bôn Tông Ó cũ (Đoạn từ trục chính Bôn Tông Ó ra cánh đồng)		Bôn Júr	0,5 km	1,150	1,095	55
	Đường giao thông Bôn Ia Rniu đi Bôn Biah A, đoạn từ ngã tư Bôn Ia Rniu đi Bôn Biah A		Bôn Ia Rniu đi Bôn Biah A	1000 m	2,560	2,432	128
	Đường BTXM ra khu sản xuất thôn Ama Đá (Đoạn từ rẫy Ksor Put đến rẫy Ksor Kiêm)		Thôn Ama Đá (Đoạn từ rẫy Ksor Put đến rẫy Ksor Kiêm)	2,25 km	6,559	6,225	334
72	Xã Kbang	UBND Xã Kbang			8,259	6,123	2,136
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ Nhà rông làng Kbông đến ngã 3 đường liên xã đất bà Linh		Làng Kbông - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	2,169	1,607	562
	Đường nội làng Chơch đoạn đường liên xã đi KSX sau làng		Làng Chơch - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	790	590	200
	Đường nội làng Tằng đoạn từ đất Đình Thi đi khu sản xuất		Làng Tằng - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	940	699	241
	Đường nội làng Lơ Vi đoạn từ Đất ông Đình A Lơng đi đến đất ông Thông		Làng Lơ Vi - xã Kbang		1,740	1,289	451
	Đường đi khu sản xuất làng Đak Kmung đoạn hết khu dân cư đi khu sản xuất		Làng Đak Kmung - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	950	706	244
	Đường đi khu sản xuất làng Cam Đoạn hết khu dân cư đến giáp hồ thủy điện		Làng Cam - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	510	375	135
	Đường nội làng Chơch đầu cầu Hùng trắng đến BTXM hiện hữu (khu cánh đồng Đak Plen); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước		Làng Chơch - xã Kbang	BTXM, Bm=3,5 m và hệ thống thoát nước	1,160	857	303
73	Xã KDang	UBND Xã KDang			11,669	9,871	1,798
	Hợp phần thứ nhất						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nông thôn làng Hlang (Đầu tuyến Từ nhà ông Jun đến nhà ông Ngiu; từ nhà ông Cao Văn Thắng đến cuối tuyến nhà ông Ayum). Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng và hệ thống thoát nước.			1,77 km	3,670	3,108	562
	Đường nội đồng thôn Hà Lông 2 xã Kdang (Từ nhà Bà Nguyễn Thị Kin Loan đến nhà ông Lê Trọng Thường (1500m); Từ nhà ông Tôn Thất Thu đến nhà ông Nguyễn Văn Hùng (800m); Từ nhà ông Lê Trọng Thường đến nhà ông Nguyễn Văn Tâm (1200m); Từ nhà ông Ngô Thanh Tùng đến Nguyễn Văn Nào (900m)		Thôn Hà Lông 2	4 km	7,999	6,763	1,236
74	Xã Kim Sơn	UBND Xã Kim Sơn			8,721	8,721	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường từ nhà Đình Thị Cúc thôn T6 đến khu di tích Dốc Bà Bơi thôn T2		T6	1,5km	1,000	1,000	
	Nội dung 02						
	Đập Bểng xe và hệ thống kênh mương tưới Bểng xe		Thôn T1		2,300	2,300	
	Mương hồ Đồng Quang		Thôn Hương Quang	0,405 km	821	821	
	Nội dung 10						
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt T6		Thôn T6		2,300	2,300	
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt T4		Thôn T4		2,300	2,300	
75	Xã Kon Chiêng	UBND Xã Kon Chiêng			8,930	8,930	
	Hợp phần thứ nhất:						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GTNT, Làng Git - Xã Kon Chiêng			220 m	730	730	
	Đường GTNT, Làng Git - Xã Kon Chiêng			450 m	1,100	1,100	
	Đường đi khu SX : Làng Tar - Xã Kon Chiêng			900 m	1,800	1,800	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường GTNT, đường đi khu SX : Làng Deng - Xã Kon Chiêng			L=1350m	3,100	3,100	
	Nội dung 09						
	Đầu tư xây mới hệ thống đài truyền thanh của xã, mở rộng các cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn xã (33 cụm loa)....		Xã Kon Chiêng		2,200	2,200	
76	Xã Kon Gang	UBND Xã Kon Gang			8,070	6,826	1,244
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông nông thôn thôn Đê Thung		Thôn Đê Thung	1,32 km	2,700	2,278	422
	Đường GTNT thôn Đê Hoch		Thôn Đê Hoch	0,2 km	520	438	82
	Đường GTNT thôn 1, Đak Krong		Thôn 1, Đak Krong	0,2 km	480	408	72
	Đường GTNT thôn Đê Klanh, Đak Krong		Thôn Đê Klanh	0,4 km	920	780	140
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Xây dựng 01 phòng học		Thôn Đê Klanh	01 phòng học	1,020	865	155
	Xây dựng 01 phòng học		Thôn Đê Thung	01 phòng	1,010	856	154
	Nhà vệ sinh Trường Tiểu học Đak Krong		Trường Tiểu học Đak Krong	Nhà vệ sinh	1,420	1,201	219
77	Xã Kông Bơ La	UBND Xã Kông Bơ La			10,508	9,971	537
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp mở rộng Đường từ Tỉnh lộ 669 đoạn Nhà Văn hóa xã đi cầu Nghĩa An		Thôn Nghĩa An 1	1,4 km	6,079	5,773	306
	Đường từ cầu nghĩa An đi khu sản xuất Tây Sông Ba		Thôn Nghĩa An 2, làng Bình An	2,4 km	4,429	4,198	231

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
78	Xã Kông Chro	UBND Xã Kông Chro			13,110	11,063	2,047
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường vào khu sản xuất làng Pyang (Đoạn gần thủy điện Đăk Srông)		Làng Pyang	Đường BTXM, Bm=3m và hệ thống thoát nước	2,570	2,160	410
	Đường nội làng đi khu sản xuất làng Tpông		Làng Tpông	Đường BTXM, Bm=3m và hệ thống thoát nước	1,530	1,289	241
	Đường nội làng Tnang		Làng Tnang	Đường BTXM, Bm=3m và hệ thống thoát nước	610	515	95
	Đường nội làng đi khu sản xuất làng Rong Tnia		Làng Rong Tnia	Đường BTXM, Bm=3m và hệ thống thoát nước	2,410	2,036	374
	Nội dung 04						
	Điện nông thôn làng Glung		Làng Glung	Hệ thống điện chiếu sáng đường	470	400	70
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường tiểu học Chu Văn An		Làng Ktôh		5,520	4,663	857
79	Xã Krong	UBND Xã Krong			10,187	10,187	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường đi khu sản xuất làng Sing. (Đoạn từ Giáp đường Liên xã, từ nhà ông Nông - Hào đến cầu treo sông Ba và Đoạn sau nhà Văn Hóa làng		Làng Sing	1,1 km	1,980	1,980	
	Đường Đi Khu sản xuất làng Đăk Bok nhà Đầm Hưng		Làng Đăk Bok	1,2 km	2,020	2,020	
	Đường đi khu sản xuất làng Sơ Lam từ đường bê tông đi đập nước Đăk Bok		Làng Sơ Lam	0,65 km	1,040	1,040	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Đường đi khu sản xuất làng Klếch (xóm Klếch). Ranh giới xã Kbang và xã Krong		Làng Klếch (xóm Klếch)	0,7 km	1,487	1,487	
	Đường Nối tiếp từ cuối đường bê tông đến giáp đất lâm nghiệp (hướng từ nhà ông Đinh Blây đi nhà ông Đinh Juót)		Làng Klur (xóm Klur)	0,25 km	450	450	
	Đường Giáp đường xã đến suối Kpia. Ranh giới xã Kbang và xã Krong		Làng Klếch (xóm Klếch)	0,2 km	360	360	
	Đường đi khu sản xuất làng Vir đi khu sản xuất Mơ Trinh và cánh đồng Đăk Nĩa làng Sing		Làng Vir	1,5 km	2,850	2,850	
80	Xã Lơ Pang	UBND Xã Lơ Pang			10,838	10,299	539
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Công trình đường giao thông nông thôn làng Đôn Hyang (từ làng lên làng Pơ Nang đến trung tâm xã) – 1,1 km		Đôn Hyang	1,1 km	3,479	3,317	162
	Công trình đường nội làng Ar Quát (từ nhà ông Lung đến nhà bà Phớt) – 2,0 km		Ar Quát	2 km	1,920	1,822	98
	Công trình đường Từ nhà ông Anhop đến nhà ông Ayung – 0,8 km		Đak Lah – Tơ Drah	0,8 km	3,169	3,010	159
	Công trình đường Từ nhà ông Blêi đến nhà ông Nay Keo – 0,6 km		Đak Lah – Tơ Drah	0,6 km	1,460	1,381	79
	Công trình đường Từ nhà ông Hngumh đến nhà ông Gôm – 0,7 km		Alao	700 m	810	769	41
81	Xã Mang Yang	UBND Xã Mang Yang			27,760	20,633	7,127
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường Ama Quang xã Mang Yang (Đoạn từ đường bê tông hiện trạng đến cầu Lam).		Tổ 6	300 m	2,160	1,640	520
	Đường liên thôn từ làng Đăk Yă đến khu dân cư 386 thôn Châu Khê		Làng Đăk Y ă	3500 m	8,510	6,315	2,195
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 04						
	#####		Các làng ĐBDTTS		17,090	12,678	4,412
82	Xã Ngô Mây	UBND Xã Ngô Mây			4,971	3,972	999
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp mở rộng đường BTXM từ Trường TH Cát Hung đến Nhà Võ Ngon		Thôn Mỹ Long	250 m	2,631	2,119	512
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương thôn Long Hậu. Tuyến từ Lô 31 đến mương 3 huyện		Long Hậu	0,7 km	1,200	952	248
	Kiên cố hoá kênh mương BTXM nội đồng; Tuyến từ lổ Ông Trứ - Mương thứ 5		Thôn Hội Lộc	0,4 km	470	371	99
	Kiên cố hoá kênh mương BTXM nội đồng; Tuyến kênh từ nhà Nguyễn Hữu Nghệ - nhà ông Nài		Thôn Lộc Khánh	0,6 km	670	530	140
83	Xã Nhơn Châu	UBND Xã Nhơn Châu			13,017	13,017	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp các tuyến đường BTXM và các tuyến ngõ hẻm trên địa bàn xã		Toàn xã	10 km	8,517	8,517	
	Nội dung thành phần 03						
	Nội dung 06						
	Xây dựng hạ tầng điểm du lịch cộng đồng Không gian ký ức làng chài Cù Lao Xanh		Toàn xã		4,500	4,500	
84	Xã Phù Cát	UBND Xã Phù Cát			4,640	2,905	1,735
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	BTXM thôn An Hành Tây (đoạn từ miếu An Lộc đến giáp nhà ông Đinh Văn Vương; đoạn từ nhà ông Đinh Văn Nhị đến giáp Cát Tân; đoạn từ nhà ông Châu Văn Khánh đến nhà ông Phan Văn Phùng;		Thôn An Hành Tây	Đổ bê tông hiện trạng B=5	2,460	1,551	909
	Nội dung 02						
	Kiên cố hóa kênh mương, tuyến từ mương cấp 1 Suối Chay đến Đồng gò U, Gò Mạ		Thôn An Đức		2,180	1,354	826
85	Xã Phù Mỹ	UBND Xã Phù Mỹ			7,788	5,149	2,639
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần số 2						
	Nội dung 01						
	Thăm nhựa tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ QL1A đến đường Lê Lợi)		An Lạc Đông 1	Nâng cấp, thăm nhựa mặt đường	4,609	3,055	1,554
	Thăm nhựa phần còn lại tuyến đường đường 2 tháng 9 đến hết đường Biên Cương		An Lạc Đông 1	Nâng cấp, thăm nhựa mặt đường	3,179	2,094	1,085
86	Xã Phù Mỹ Bắc	UBND Xã Phù Mỹ Bắc			4,569	3,710	859
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp mở rộng BTXM từ ngã 3 Vạn Định đến cầu đập Quí Vạn Định		Vạn Định	1 km	1,870	1,515	355
	BTXM từ cầu bà Lụa đi Cừu An		Cừu Thành	1,5 km	2,699	2,195	504
87	Xã Phù Mỹ Đông	UBND Xã Phù Mỹ Đông			6,400	5,190	1,210
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường từ ngã ba Triều Cường (nhà ông Tâm) đi đến giáp đường ĐT 639 cạnh công ty Biển Xanh		Tân Phụng 1	1,2 km	4,420	3,581	839
	Mở rộng tuyến đường BTXM từ Cầu Sắt đến giáp xã Mỹ An (Toàn tuyến)		Thôn 4	1,2 km	1,980	1,609	371

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
88	Xã Phù Mỹ Nam	UBND Xã Phù Mỹ Nam			6,868	5,563	1,305
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Sửa chữa tuyến đường BTXM từ nhà ông Toàn đến đường sắt và nhánh rẽ thôn Trà Bình Tây		Thôn Trà Bình Tây	0,95 km	2,229	1,804	425
	Sửa chữa, mở rộng Tuyến đường từ thôn Tú Dương, xã Phù Mỹ Nam đi xã Phù Mỹ (Mỹ Quang cũ)		Thôn Tú Dương	1,8 km	4,639	3,759	880
89	Xã Phù Mỹ Tây	UBND Xã Phù Mỹ Tây			4,780	3,879	901
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tuyến đường bê tông từ nhà ông Thảo xóm 3 đến nhà ông Ninh xóm 16		Hội Phú	1 km	2,900	2,354	546
	Nội dung 02						
	KCH kênh mương Ao Bình đến Cản đồng sau		Phước Thọ	1 km	1,170	951	219
	KCH kênh mương đồng Đình (từ ruộng bà Lệ đến sau nhà Vinh)		Trinh Văn Bắc	0,61 km	710	574	136
90	Xã Phú Thiện	UBND Xã Phú Thiện			8,261	6,127	2,134
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Tên tuyến: Đường ngõ xóm thôn Plei Tel B (cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thôn hư hỏng, xuống cấp, chưa được bê tông hóa)		Thôn Plei Tel B	Đường cấp A, chiều dài đầu tư dự kiến 0,5Km	1,810	1,345	465
	Tên tuyến: Đường ngõ xóm tổ dân phố 12 (cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thôn hư hỏng, xuống cấp, chưa được bê tông hóa)		Tổ dân phố 12	Đường cấp A, chiều dài đầu tư dự kiến 0,6Km	2,050	1,522	528
	Tên tuyến: Đường ngõ xóm thôn Plei Kram (cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thôn hư hỏng, xuống cấp, chưa được bê tông hóa)		Thôn Plei Kram	Đường cấp A, chiều dài đầu tư dự kiến 0,5Km	1,840	1,362	478

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường MN Hoa Phong Lan, xã Phú Thiện		TDP 2		2,561	1,898	663
91	Xã Phú Túc	UBND Xã Phú Túc			10,240	7,614	2,626
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Ia Mlah; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Ia Mlah	1,15 km	1,800	1,351	449
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Chư Ngọc; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Chư Ngọc	1,2 km	1,810	1,344	466
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Chư Ung; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Chư Ung	1,1 km	1,770	1,312	458
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Thành Công; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		Buôn Thành Công	0,96 km	1,480	1,096	384
	Bê tông hóa đường GTNT buôn Ia Mlah (từ khu vực suối Xu đến kênh mương chính Thủy lợi)		Buôn Prong	0,95 km	3,380	2,511	869
92	Xã Pờ Tó	UBND Xã Pờ Tó			13,260	11,210	2,050
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường từ Quốc lộ Trường Sơn Đông (đoạn nhà văn hóa thôn Bình Tây cũ) ra khu sản xuất thôn Bình Tây		Thôn Bình Tây	Đường BTXM chiều dài khoản 455m (cạnh đất QH công an xã)	2,480	2,107	373
	Nội dung 10						
	Hệ Thống cấp nước thôn Bì Gia		Thôn Bì Gia	80 hộ dân	2,820	2,387	433
	Hợp phần thứ hai						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung thành phần 01						
	Nội dung 01						
	Trường TH và THCS Đình Núp, xã Pờ Tó		Thôn Bi Giông	Nhà học 4 phòng; Nhà học bộ môn 6 phòng và các hạng mục phụ	7,960	6,716	1,244
93	Xã Sơn Lang	UBND xã Sơn Lang			16,250	15,457	793
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường liên thôn làng Đăk Tơ Nglông - Hà Lâm-đường nội làng Hà Lâm (ĐX.425); hạng mục: Nâng cấp, mở rộng, Sửa chữa mặt đường BTXM đoạn làng Hà Lâm từ đường TSD đến ngã ba, đường nội làng Hà Lâm		Làng Hà Lâm	2 km	10,050	9,580	470
	Nâng cấp, mở rộng đường làng Hà Nừng đoạn từ đường Trường Sơn Đông đến nhà ông Đình Văn Du (ĐX.421B)		Làng Hà Nừng	1,45 km	6,200	5,877	323
94	Xã SRó	UBND Xã SRó			9,100	9,100	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường giao thông ra khu sản xuất làng Quel (Đoạn trước nhà bà Lệ BTXM hiện trạng nối tiếp đến khu sản xuất)		Làng Quel	0,7 km	2,700	2,700	
	Đường ra khu sản xuất làng Nhang lớn (đoạn từ đường ra khu sản xuất nối tiếp		Làng Nhang lớn		1,700	1,700	
	Đường ra khu sản xuất làng Htiên l l (Đoạn đường nhà ông Nguyễn Tấn tiến ra khu sản xuất nối tiếp đường BTXM hiện hữu đến bờ sông)		Làng Htiên	L=0,5km	1,800	1,800	
	Đường ra khu sản xuất làng Bờ ya (đoạn nối tiếp Đường BTXM hiện trạng đến suối)		Làng Bờ Ya	L= 0,8km	2,900	2,900	
95	Xã Tây Sơn	UBND Xã Tây Sơn			7,010	4,639	2,371
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường công làng văn hóa thôn Lai Nghi giáp đường ĐT636		Thôn Lai Nghi	1400 m	2,530	1,676	854
	Sửa chữa, thăm bê tông nhựa tuyến đường từ ông Nguyễn Văn Thơm đến ngã 4 nhà ông bé		Khối 1A	800 m	1,590	1,050	540
	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng từ trụ sở thôn Lai Nghi ra ĐT.636		Thôn Lai Nghi	1,8 km	1,070	711	359
	Nội dung 10						
	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước tự chảy làng Cam		Thôn Đồng Sim	Sửa chữa, nâng cấp tuyến ống nước từ thượng nguồn về làng Cam Ø120mm	1,820	1,202	618
96	Xã Tơ Tung	UBND Xã Tơ Tung			8,350	7,956	394
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường làng Đồng Tâm tuyến từ nhà ông Dương đi Nghĩa địa làng		Làng Đồng Tâm	1000 m	1,210	1,180	30
	Đường làng Đăk Pơ Kao từ nhà ông Dring đến Cây đa		Làng Đăk Pơ Kao	1400 m	1,260	1,198	62
	Đường làng Sơ Tơ từ ngã ba làng đến Dốc đá		Làng Sơ Tơ	600 m	830	787	43
	Đường làng Tung (cũ) từ đình dốc đá đến giáp đường BTXM và đoạn đầu làng		Làng Kuk Tung	300 m	390	373	17
	Đường làng Klếch từ rẫy ông Thor đến rẫy bà Thành		Làng Klếch	1300 m	1,740	1,654	86
	Đường làng Đồng Tâm tuyến từ nhà Linh Trang đến làng Leng I (cũ)		Làng Đồng Tâm	780 m	1,150	1,090	60
	Đường từ nhà ông Nghi làng Pơ Ngăl đến giáp đường BTXM khu dân cư Suối lơ làng Cao Sơn		Làng Cao Sơn, làng Pơ Ngăl	800 m	1,140	1,079	61
	Đường làng Pơ Ngăl từ nhà bà sáu Tích đến đường đi xã Đăk Hlơ (cũ)		Làng Pơ Ngăl	470 m	630	595	35
97	Xã Tuy Phước Bắc	UBND Xã Tuy Phước Bắc			5,263	4,191	1,072

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 02						
	KCH tuyến từ Kênh N4 thôn Đại Lễ đến tổ 1 thôn Luật Chánh		Thôn Đại Lễ	0,35 km	440	353	87
	KCHKM đoạn từ cuối N1-2 đến gò thơm thôn Giang Bắc		Thôn Giang Bắc	0,55 km	670	536	134
	KCHKM tuyến từ Kênh N1-2 đến đám Nghèo thôn Giang Bắc		Thôn Giang Bắc	0,2 km	270	215	55
	KCHKM tuyến từ Bê tông X17- Cầu Ông voi X18 thôn Nho Lâm		Thôn Nho Lâm	0,8 km	901	719	182
	KCHKM tuyến từ Ngã Hai ruộng Hầm giáp Tân Cẩng Làng thôn Lộc Ngãi		Thôn Lộc Ngãi	0,6 km	750	596	154
	KCH KM đoạn từ mương đóm đầu Rộc đến nhà 6 Ngộ thôn Lương Lộc		Thôn Lương Lộc	0,76 km	861	686	175
	KCHKM tuyến từ mương Bầu vào Tăng sản thôn Định Thiện Tây		Thôn Định Thiện Tây	0,3 km	390	307	83
	KCHKM tuyến từ Kênh S đến giáp Rộc ông Hậu		Thôn Định Thiện Tây	0,9 km	981	779	202
98	Xã Tuy Phước Đông	UBND Xã Tuy Phước Đông			5,110	3,536	1,574
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường bê tông từ Nhà văn hóa thôn đến xóm Huỳnh Sa (nhà ông Nguyễn Văn Năm)		Thôn Huỳnh Giản Bắc		3,640	2,570	1,070
	BTXM đường thôn, ngõ, xóm xã Tuy Phước Đông: - Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 639 đến cổng chào thôn Huỳnh Giản Bắc - Tuyến đường từ nhà ông Tám đến nhà ông Hòa - Tuyến đường từ đập Cát đến bờ tràn bà Dư - Tuyến đường từ nhà ông Bảo đến nhà bà Vân			1198 m	1,470	966	504
99	Xã Tuy Phước Tây	UBND Xã Tuy Phước Tây			4,950	3,397	1,553

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thanh,				500	351	149
	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỹ đến Cầu Giáp Sở, thôn Ngọc Thanh,				820	561	259
	Nâng cấp, mở rộng cầu Muơng Tháo, thôn Thanh Huy.				980	672	308
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Ngõ Bắng đến công chào Quy Hội.				1,550	1,062	488
	Nội dung 02						
	KCHKM tuyến từ ngõ Sơn - hàng rào bụi tre Thanh Huy				550	376	174
	KCH KM Từ ruộng 2 Sanh giáp ruộng 3 Tấn, ruộng 8 Nhơn giáp ruộng lớn				550	375	175
100	Xã Uar	UBND Xã Uar			6,824	5,834	990
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường GTNT buôn Choanh, xã Uar (Đoạn từ nhà bà Nay H' Nhum đến Trạm y tế thôn Thanh Bình)		Buôn Choanh	1,7 km	4,090	3,468	622
	Đường GTNT buôn Choanh, xã Uar (Đoạn từ nhà ông Nay Chiên đến cánh đồng)		Buôn Choanh	0,3 km	579	485	94
	Đường GTNT thôn An Bình, xã Uar (Đoạn từ đường Trường Sơn Đông đến đường bê tông đã đầu tư)		Thôn An Bình	0,18 km	609	512	97
	Đường GTNT buôn Ngôl, xã Uar (Đoạn từ nhà Rah Lan Nhót đến nhà Ksor Ruên)		Buôn Ngôl	0,2 km	379	317	62
	Đường GTNT thôn Hưng Phú, xã Uar (Đoạn từ nhà ông Khuê đến nhà ông Tuệ)		Thôn Hưng Phú	0,35 km	749	634	115
	Đường GTNT thôn Quỳnh Phú, xã Uar (Đoạn từ nhà ông Nhường đến nhà ông Chiến)		Thôn Quỳnh Phú	0,15 km	418	418	
101	Xã Vân Canh	UBND Xã Vân Canh			15,090	12,780	2,310
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nội dung 01						
	Trường Tiểu học Vân Canh - cơ sở 2 (Hạng mục: xây mới 01 phòng học khoa học công nghệ, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng tư vấn học đường, 01 phòng y tế học đường, 01 phòng đội, 01 phòng bảo vệ, 02 nhà kho và các hạng mục khác)		Xã Vân Canh		5,430	4,616	814
	Cầu đầu làng Canh Giao		Xã Vân Canh		9,660	8,164	1,496
102	Xã Vạn Đức	UBND Xã Vạn Đức			5,618	5,335	283
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	Sửa chữa, khắc phục ngập úng đoạn đường đầu cầu bà Cương		Thôn Vạn Hội 1		700	674	26
	Nâng cấp BTXM tuyến đường Đồng Quang, thôn Thanh Lương		Thanh Lương		2,229	2,113	116
	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ nhà Tài đến chòm nhá		Thế Thạnh 2		2,689	2,548	141
103	Xã Vĩnh Quang	UBND Xã Vĩnh Quang			7,990	7,604	386
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp đường từ ĐT 637 đến soi Giềng (Sân vận động xã)		Thôn Định Thái	1 km	1,810	1,751	59
	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng từ ĐT 637 đến nhà ông Gương, ông Hùng, ông Nền; từ nhà ông Hùng đến nhà ông Quế; từ nhà bà Lạc đến nhà ông Sơn thôn Định Thái		Thôn Định Thái	2 km	3,110	2,947	163
	Nội dung 02						
	Bê tông xi măng kênh mương đồng Lò Ổ, từ cây Duối đến giáp ĐT 637 thôn Định Xuân		Thôn Định Xuân	0,8km	780	740	40
	Bê tông xi măng kênh mương đồng trên tổ 6 và đồng tổ 7 thôn Định Trung		Thôn Định Trung	1,5km	1,330	1,261	69

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Bê tông xi măng kênh mương từ cuối làng 6 đến trước nhà văn hóa làng 3, từ sau nhà bà Hút và sau nhà ông Đình Ưông làng 5, từ suối nước Bon đến ruộng Đình Bía, từ rẫy Bá Trận đến ruộng Bá Ru làng 6		Làng 6	1,2km	960	905	55
104	Xã Vĩnh Thạnh	UBND Xã Vĩnh Thạnh			7,411	6,130	1,281
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02:						
	Nội dung 1						
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM thôn Định Bình		Định Bình	1,7 km	4,281	3,552	729
	Đường BTXM thôn Định Nhất, Định Tam		Định Nhất, Định Tam	0,6 km	930	770	160
	Nội dung số 10						
	Hệ thống cấp nước sạch các thôn		Xã Vĩnh Thạnh	10 km	2,200	1,808	392
105	Xã Vĩnh Sơn	UBND Xã Vĩnh Sơn			7,867	7,867	
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	BTXM đường từ nhà Mí Ly đến Nà Bók Thiên thôn K6		Thôn K6		1,350	1,350	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn O3 (từ nhà bà Đình Thị ALiếc đến giáp nhà ông Đình Phiêu)		Thôn O3		1,217	1,217	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn K8 (từ nhà ông Đình Cư đến nhà bà Đình Thị Nghe)		Thôn K8		2,300	2,300	
	Nâng cấp, sửa chữa nội bộ đường GTNT thôn Suối Cát (đường nội bộ)		Thôn Suối Cát		1,500	1,500	
	BTXM đường thôn Suối đá (giáp trục đường thôn đến khu sản xuất Ruộng Toah)		Thôn Suối Đá		1,500	1,500	
106	Xã Vĩnh Thịnh	UBND Xã Vĩnh Thịnh			9,660	9,179	481
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Vĩnh Thái		Vĩnh Thái	1,8 km	1,310	1,259	51
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Tà Lék		Tà Lék	1,5 km	2,150	2,035	115

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn Vĩnh Hòa - Vĩnh Trường		Vĩnh Hòa, Vĩnh Trường	1,2 km	1,350	1,282	68
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn Vĩnh Định		Vĩnh Định	3,2 km	1,970	1,870	100
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Vĩnh Khương		Vĩnh Khương	1,8 km	2,880	2,733	147
107	Xã Xuân An	UBND Xã Xuân An			5,270	4,284	986
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Đường BTXM GTNT thôn Đại Hào; Tuyến 1: Từ nhà bà Nguyễn Thị Dữ đến nhà bà Lương Thị Hiếu và Tuyến 2: Từ ngã 3 nhà ông Nguyễn Quốc Dũng đến nhà bà Nguyễn Thị Trâm		Thôn Đại Hào	343 m	620	514	106
	Đường BTXM GTNT thôn Đại Ân; Tuyến 1: Từ nhà bà Nguyễn Thị Dư đến giáp hồ Hồ Đội và Tuyến 2: Từ cổng chùa Linh Sơn đến giáp nghĩa địa Cây Xay		Thôn Đại Ân	1045 m	1,460	1,180	280
	Đường BTXM GTNT thôn Chánh Nhơn; Tuyến đường từ nhà ông Bản đến nhà bà Phùng Thị Thâm		Thôn Chánh Nhơn	475 m	800	651	149
	Nội dung 06						
	Cải tạo, nâng cấp chợ Suối Tre		Thôn Xuân An		2,390	1,939	451
108	Xã Ya Hội	UBND Xã Ya Hội			7,560	6,393	1,167
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung 01						
	Đường trục chính nội đồng làng Đêchogang (Đoạn từ hòn đá ông Nhạc đi đường xã DX.477)			1,5 km	1,930	1,628	302
	Đường trục thôn từ nhà ông Đinh Ríp theo đường QH đến đường xã Ya Hội			0,5 km	1,360	1,152	208
	Nội dung 10						
	Công trình cấp nước sạch tập trung tại các làng khó khăn về nguồn nước xã Ya Hội		Xã Ya Hội	Giếng khoan, hệ thống nước	2,360	1,997	363
	Hợp phần thứ hai						
	Nội dung 01						

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư		
					Tổng	Trong đó:	
						Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã đối ứng
	Trường TH&THCS Phan Bội Châu (Điểm trường làng Đê Chơ Gang), xã Ya Hội		Làng Đê Chơ Gang, xã Ya Hội	Xây mới 02 Phòng học và các hạng mục phụ	1,910	1,616	294
109	Xã Ya Ma	UBND Xã Ya Ma			8,510	8,114	396
	Hợp phần thứ nhất						
	Nội dung thành phần 02						
	Nội dung 01						
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng Hưnh Đăk (nối đoạn đang thi công về làng Húp)		Làng Hưnh Đăk	1,2 km	2,020	1,972	48
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng Húp (đoạn nối về làng Hưnh Đăk)		Làng Húp	1,2 km	1,960	1,853	107
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng TNùng 1 (Nối tiếp đoạn đường bê tông hiện trạng)		Làng TNùng 1	1,1 km	1,880	1,778	102
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường làng Đăk Hway		Làng Đăk Hway	0,55 km	930	885	45
	Bê tông hóa giao thông nông thôn đường thôn 01 (Nhánh 2 Năm Hạnh)		Thôn 01	1 km	1,720	1,626	94

Ghi chú: - Nguồn vốn trung ương phân bổ cho các đơn vị, địa phương như trên là ở mức tối đa; trường hợp đơn vị, địa phương phê duyệt, sử dụng vốn vượt mức vốn trưn nhiệm cân đối, bố trí ngân sách địa phương và nguồn vốn khác thực hiện;

- Quy mô, tổng mức đầu tư các dự án khởi công mới nêu trên chỉ ở bước ước tính sơ bộ, trong quá trình triển khai thực hiện dự án đề nghị đơn vị được giao vốn tiến hà đầu tư, suất đầu tư cho phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh nợ đọng, lãng phí Thủ tướng Chính phủ.

- UBND cấp xã có trách nhiệm cân đối, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương tối thiểu theo mức như trên.